

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
1	Đào Mỹ Duy An	20120152	06/08/2002	4.60	5.00	6.30	0,00	5.00	4.20	
2	Ngô Hoàng An	20125313	19/02/2002	5.40	5.50	5.00	8,10	5.00	5.80	x
3	Chúc Danh An	21122470	22/08/2003	5.70	7.10	7.10	7,40	6.10	6.70	x
4	Lê Hoàng An	22120003	25/03/2004	7.40	9.10	7.40	9,40	9.10	8.50	x
5	Lê Minh An	21122471	20/08/2003	4.40	0.00	0.40	0,00	6.50	2.30	
6	Lê Nguyễn Thị Diệu An	22128004	25/08/2004	7.10	6.00	5.80	7,40	7.60	6.80	x
7	Mai Đặng Hải An	22163001	16/12/2004	7.90	8.10	9.40	9,40	8.10	8.60	x
8	Đào Nguyễn Khánh An	22149001	25/01/2004	4.90	8.80	5.00	9,30	7.10	7.00	
9	Nguyễn Hoài An	22124001	23/03/2004	7.80	8.90	6.40	8,10	10.00	8.20	x
10	NGUYỄN LẠI BÌNH AN	23126002	11/04/2005	3.60	7.10	2.30	6,00	10.00	5.80	
11	NGUYỄN SƠN AN	23112006	27/08/2005	5.80	6.40	6.10	7,40	9.30	7.00	x
12	Nguyễn Tấn An	20213036	27/05/1987	6.70	7.80	5.50	8,00	6.50	6.90	x
13	NGUYỄN THANH AN	23149002	03/12/2005	6.60	6.50	2.80	6,80	7.00	5.90	
14	ĐỖ THỊ THÚY AN	23126001	11/04/2005	7.40	8.10	7.90	8,40	10.00	8.40	x
15	ĐỖ THÙY AN	23120001	03/06/2005	7.70	7.10	6.00	9,10	7.40	7.50	x
16	Trương Hoài An	21138086	05/03/2003	6.00	5.80	4.80	8,80	2.50	5.60	
17	Trương Nguyễn Trường An	22113002	01/12/2004	6.90	7.60	5.50	7,60	8.90	7.30	x
18	Vũ Đình Đông An	21118168	11/03/2003	6.80	5.30	5.50	7,10	6.50	6.20	x
19	HỒ TRỊNH QUỲNH ANH	23120004	26/04/2005	6.30	5.50	3.40	8,60	6.90	6.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
20	LÊ NGUYỄN TUẤN ANH	23138002	21/04/2005	4.30	5.50	7.60	7,40	3.90	5.70	
21	LÊ TUẤN ANH	23127003	17/11/2005	4.90	6.10	4.00	7,60	3.10	5.10	
22	Nguyễn Hà Minh Anh	22129008	29/11/2004	6.70	5.50	5.00	7,60	5.50	6.10	x
23	NGUYỄN HỮU ĐỨC ANH	23138004	20/04/2005	6.90	5.30	5.00	5,00	5.00	5.40	x
24	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	23112015	19/06/2005	7.30	7.90	6.10	7,40	10.00	7.70	x
25	Nguyễn Thị Kim Anh	22125010	31/10/2004	6.60	5.90	6.10	5,00	7.10	6.10	x
26	Nguyễn Thị Tú Anh	22128014	30/10/2004	5.90	8.40	5.00	7,60	5.50	6.50	x
27	Nguyễn Trần Mai Anh	21125545	08/12/2003	6.90	6.90	3.10	7,60	6.80	6.30	
28	ĐINH ĐỨC ANH	23153001	02/10/2005	7.80	8.00	6.50	8,00	6.60	7.40	x
29	ĐINH TUẤN ANH	23124002	09/04/2005	4.90	7.60	2.90	0,00	3.60	3.80	
30	Đoàn Quốc Anh	21125009	03/07/2003	6.10	3.00	6.00	0,00	3.50	3.70	
31	Phạm Huỳnh Duy Anh	22145003	02/03/2004	5.90	0.00	0.00	0,00	6.60	2.50	
32	Thái Văn Đức Anh	21112384	15/09/2003	6.40	7.10	6.10	8,90	5.50	6.80	x
33	Trần Ngọc Lan Anh	20128149	07/07/2002	7.00	8.90	5.50	7,00	7.60	7.20	x
34	Trần Thị Kim Anh	21129551	28/10/2003	4.70	6.50	5.30	7,50	8.10	6.40	
35	Aty Aty	19113196	15/10/2001	5.00	3.90	6.60	5,00	5.00	5.10	
36	ĐẶNG THỊ NGUYỆT ÁNH	23163003	30/10/2005	5.70	5.80	2.80	7,10	7.30	5.70	
37	Nguyễn Kinh Anh	21135248	14/03/2003	5.80	7.10	7.60	8,90	9.00	7.70	x
38	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22129015	16/09/2004	6.40	6.40	5.90	7,50	8.10	6.90	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
39	Trần Ngọc Anh	22129016	17/06/2004	6.30	5.30	7.10	8,10	8.30	7.00	x
40	Vũ Khánh Bằng	21129556	18/09/2003	5.30	6.80	7.30	7,50	7.90	7.00	x
41	Nguyễn Gia Bảo	22139006	25/10/2004	7.60	8.60	7.90	8,10	7.40	7.90	x
42	NGUYỄN THÁI BẢO	23138008	05/12/2005	5.60	7.40	5.50	0,00	8.00	5.30	
43	Nguyễn Văn Bảo	22129018	19/02/2004	6.50	6.60	4.00	8,40	5.50	6.20	
44	Lê Châu Ngọc Bích	18139013	02/08/2000	6.90	7.90	7.10	6,50	6.60	7.00	x
45	LÊ THỊ NGỌC BÍCH	23123160	29/07/2005	4.90	0.00	3.10	0,00	3.10	2.20	
46	Nguyễn Bá Ngọc Bình	21154129	07/02/2003	6.20	9.00	8.00	7,50	8.80	7.90	x
47	Nguyễn Thanh Bình	20213037	29/06/1976	5.30	0.00	0.00	0,00	5.00	2.10	
48	Nguyễn Thị Kim Bình	21112396	21/05/2003	6.80	7.60	5.80	7,40	7.90	7.10	x
49	Nguyễn Văn Bình	20138073	16/12/2002	7.20	6.60	4.00	8,90	8.10	7.00	
50	ĐỖ BÌNH	23124019	17/08/2005	6.00	7.80	5.50	7,00	3.10	5.90	
51	Nguyễn Huyền Chân	22123013	15/12/2003	6.80	6.90	7.10	8,60	7.30	7.30	x
52	LÊ ĐÀO MINH CHÂU	23124020	30/04/2005	6.30	6.80	5.30	6,00	10.00	6.90	x
53	NGUYỄN VĂN CHÁNH	23155014	29/09/2005	6.90	8.30	7.50	7,50	6.80	7.40	x
54	HUỲNH KHIẾT CHI	23115006	16/12/2005	6.80	6.50	5.50	8,30	7.40	6.90	x
55	Nguyễn Quốc Chí	21154133	20/02/2003	4.10	0.00	5.90	7,40	7.10	4.90	
56	NGUYỄN VIỄN CHÍ	23126023	21/05/2005	6.60	7.10	5.50	7,40	0.90	5.50	
57	VĂN TRẦN CHÍ	23112357	22/10/1995	4.60	7.10	5.50	0,00	3.50	4.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
58	Vũ Hoàng	Chí	21138093	01/11/2003	7.20	6.40	6.10	7,50	5.00	6.40	x
59	Vũ Xuân	Chiến	21130298	18/01/2003	5.20	0.00	3.60	0,00	3.60	2.50	
60	Võ Ngọc	Chinh	21137051	01/05/2003	5.90	5.90	5.50	8,60	8.80	6.90	x
61	NGÔ HOÀNG	CHƯƠNG	23120021	30/11/2005	7.40	8.40	6.90	7,60	8.30	7.70	x
62	Nguyễn Thành	Công	22129026	04/03/2004	6.20	6.60	6.40	6,60	9.30	7.00	x
63	CHÂU THỊ KIM	CƯỜNG	23128019	15/10/2005	7.60	6.40	7.90	7,60	5.50	7.00	x
64	Nguyễn Thị Kim	Cương	21112031	26/05/2003	6.80	6.50	9.30	8,30	9.10	8.00	x
65	Hoàng Ngọc	Cường	22123019	20/07/2004	5.90	5.80	2.30	8,30	7.60	6.00	
66	Huỳnh Công	Danh	22127002	06/04/2004	6.20	8.80	6.40	9,30	6.60	7.50	x
67	TRẦN THÀNH	DANH	23137009	07/09/2005	6.40	7.60	7.10	7,40	6.90	7.10	x
68	Võ Nguyễn Công	Danh	22128026	28/09/2004	5.80	5.50	5.50	7,60	5.00	5.90	x
69	Huỳnh Văn	Dầu	20113222	15/05/2002	6.30	6.50	5.00	8,80	5.00	6.30	x
70	Đoàn Thị Hiền	Diệu	22129037	26/09/2004	6.90	5.90	7.90	6,60	6.00	6.70	x
71	Châu Nguyễn Hoàng	Dinh	22129040	04/10/2004	6.30	6.90	5.50	8,60	5.50	6.60	x
72	BÙI THỊ THUỶ	DƯƠNG	23116015	08/01/2005	6.80	6.10	2.60	7,60	6.00	5.80	
73	HUỲNH THÁI	DƯƠNG	23139008	16/04/2005	5.10	7.40	3.80	7,60	8.10	6.40	
74	Lê Minh	Dương	19122029	02/10/2001	5.80	7.10	2.10	7,60	6.50	5.80	
75	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	23112052	25/05/2005	5.80	7.10	5.00	8,60	5.50	6.40	x
76	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20126222	08/10/2002	3.80	0.00	0.30	0,00	0.00	0.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
77	Quản Thị Thùy	Dương	21120362	18/01/2003	5.10	6.80	5.00	6,10	6.00	5.80	x
78	Phạm Ngọc Thụy	Du	22163006	06/05/2004	8.40	8.10	6.50	7,40	8.10	7.70	x
79	Võ Thanh Phạm	Duẩn	21124032	17/11/2003	5.30	6.50	4.50	9,30	3.00	5.70	
80	Bùi Thị Bích	Dung	21138107	21/03/2003	5.80	6.40	7.30	0,00	2.60	4.40	
81	GIỀNG KIM	DUNG	23124037	25/05/2005	5.70	7.90	8.60	8,60	7.30	7.60	x
82	Nguyễn Thị Thu	Dung	22129043	17/03/2004	7.50	8.60	7.40	7,60	6.60	7.50	x
83	Trần Thị Ngọc	Dung	16149013	24/02/1998	7.50	7.80	6.10	10,00	5.00	7.30	x
84	Mai Quang	Dũng	22124035	20/05/2004	6.80	6.40	5.00	7,90	7.40	6.70	x
85	Vũ Khắc	Dũng	22154021	27/11/2003	6.40	6.90	5.50	7,60	5.50	6.40	x
86	Bùi Quang	Duy	22114004	16/12/2003	6.00	5.30	5.00	7,00	5.50	5.80	x
87	Lê Hoàng Đức	Duy	20154113	02/01/2002	6.90	2.30	6.00	7,40	6.50	5.80	
88	Lê Khải	Duy	22122059	10/10/2004	6.00	8.00	10.00	7,30	6.60	7.60	x
89	Ngô Tùng	Duy	21120364	15/10/2003	5.60	7.40	8.10	7,40	6.00	6.90	x
90	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH DUY		23149027	09/06/2005	6.40	7.10	5.50	7,60	5.50	6.40	x
91	Nguyễn Trương Xuân	Duy	22157009	20/10/2004	6.90	6.80	3.40	6,80	7.50	6.30	
92	Võ Nguyễn Khánh	Duy	21132030	21/09/2003	7.20	8.60	5.50	8,90	5.50	7.10	x
93	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	20126226	01/09/2002	5.80	6.80	3.60	6,10	5.00	5.50	
94	Nguyễn Lê Kim	Duyên	21145138	24/08/2003	7.30	5.00	5.00	7,60	5.50	6.10	x
95	NGUYỄN MAI	DUYÊN	23120036	10/12/2005	6.50	7.00	6.80	3,00	6.50	6.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
96	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21129604	05/12/2003	6.40	9.10	5.00	10,00	5.50	7.20	x
97	NGUYỄN THỊ THU	DUYÊN	23122044	01/01/2005	6.90	7.60	6.00	7,60	5.50	6.70	x
98	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	23135009	03/12/2005	7.90	5.00	3.00	6,00	7.30	5.80	
99	Nguyễn Thị Tường	Duyên	22120037	21/11/2004	6.30	8.30	6.80	7,50	6.40	7.10	x
100	NGUYỄN THỊ TRÚC	DUYÊN	23117008	20/04/2005	6.10	6.60	5.00	7,40	6.60	6.30	x
101	ĐỖ TRẦN MỸ	DUYÊN	23139010	11/11/2005	7.10	6.10	5.00	7,50	6.30	6.40	x
102	Phan Thị Mỹ	Duyên	21145139	07/09/2003	5.60	6.40	5.50	7,60	5.00	6.00	x
103	PHAN THỊ THÙY	DUYÊN	23126048	25/05/2005	6.00	7.60	4.00	6,40	7.40	6.30	
104	Võ Thị Mỹ	Duyên	17125061	21/04/1999	6.90	7.10	5.00	9,40	6.40	7.00	x
105	Lê Dương Hoàng	Gia	22123188	02/10/2004	5.00	5.00	1.50	6,00	0.00	3.50	
106	Trần Thị Ngân	Giang	22133004	02/09/2004	7.30	6.50	6.60	7,50	9.40	7.50	x
107	Đỗ Huỳnh	Giao	21112431	07/08/2003	6.00	7.90	5.50	9,10	5.50	6.80	x
108	Lê Ngọc	Giàu	22113020	14/12/2004	5.50	0.00	5.50	6,00	0.00	3.40	
109	Nguyễn Văn	Giàu	21154161	12/08/2003	8.30	8.30	7.00	8,00	8.10	7.90	x
110	HỒ BẢO	HÂN	23139014	11/01/2005	7.40	6.90	5.30	8,40	7.90	7.20	x
111	HUỲNH NGỌC	HÂN	23123023	20/07/2005	7.10	6.90	8.60	7,60	9.30	7.90	x
112	Huỳnh Thị Mỹ	Hân	22123032	14/05/2004	6.90	5.00	3.50	7,40	2.50	5.10	
113	Lê Thị	Hân	21128036	18/03/2003	5.70	6.30	6.50	7,50	5.90	6.40	x
114	Đặng Bảo	Hân	21115138	12/03/2003	6.00	9.00	5.90	9,30	5.00	7.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
115	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	22122081	17/01/2004	7.80	6.90	7.60	6,10	8.30	7.30	x
116	Nguyễn Thị Hồng	Hân	21155089	06/10/2003	8.40	8.40	7.40	8,60	7.10	8.00	x
117	Đinh Ngọc	Hân	20124306	27/06/2002	7.30	6.60	6.40	3,30	5.50	5.80	
118	Hồ Thị Hoàng	Hậu	20213005	25/07/1995	6.30	7.90	6.60	8,40	7.00	7.20	x
119	Phạm Trung	Hậu	21155091	01/02/2002	5.40	7.30	3.90	0,00	5.00	4.30	
120	Trần Ngọc	Hằng	22129069	20/02/2004	6.90	7.40	6.90	7,40	9.10	7.50	x
121	BÙI XUÂN	HẠ	23123165	10/07/2005	5.80	6.60	5.00	8,90	2.60	5.80	
122	Nguyễn Đức	Hạnh	20213040	26/10/1984	6.80	6.90	4.00	5,50	6.00	5.80	
123	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22127006	28/03/2004	6.10	7.90	5.00	6,90	6.90	6.60	x
124	DƯƠNG NGUYỄN THU	HÀ	23124049	23/11/2005	7.50	6.90	6.90	8,40	7.30	7.40	x
125	Dương Thị Thu	Hà	22129060	01/10/2004	6.10	5.00	6.30	8,30	5.00	6.10	x
126	LÝ PHƯƠNG	HÀ	23139013	26/02/2005	4.50	1.90	5.00	7,40	7.10	5.20	
127	ĐINH THỊ THU	HÀ	23128031	27/09/2005	7.60	8.40	7.10	6,00	8.60	7.50	x
128	Sơn Thị Ngọc	Hà	21124337	26/07/2003	4.70	8.60	3.90	9,40	6.30	6.60	
129	Tăng Đức Ngọc	Hà	22122073	02/09/2004	7.90	5.00	6.00	8,40	8.30	7.10	x
130	TRẦN SƠN	HÀ	23127009	28/10/2005	3.50	0.00	0.60	0,00	0.00	0.80	
131	Huỳnh Chí	Hào	20124045	27/05/2002	5.40	0.00	1.60	0,00	0.00	1.40	
132	Võ Thới Anh	Hào	21111239	08/07/2003	5.10	8.00	5.00	8,80	5.50	6.50	x
133	Lê Phan Minh	Hải	20118153	04/06/2002	6.00	9.30	7.50	8,30	5.00	7.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
134	Nguyễn Hoàng	Hải	22122076	21/07/2004	5.50	8.80	3.60	8,80	7.50	6.80	
135	TRẦN MINH	HẢI	23126052	26/09/2005	5.50	7.10	4.00	10,00	7.10	6.70	
136	Vũ Huy	Hải	22122074	24/05/2004	6.80	6.10	1.90	7,60	3.60	5.20	
137	Đặng Trần Anh	Hảo	22129077	27/03/2004	7.90	7.60	7.10	7,40	7.10	7.40	x
138	Nguyễn Thị Tú	Hảo	16122095	15/09/1998	4.90	5.00	4.00	7,60	6.10	5.50	
139	Nguyễn Thị Xuân	Hảo	21157138	23/10/2003	5.80	7.10	6.10	7,60	5.00	6.30	x
140	Trần Hoàng	Hảo	22127007	25/08/2003	6.80	6.80	5.00	5,50	8.10	6.40	x
141	Võ Hoàn	Hảo	20139208	01/01/2002	5.20	7.40	5.00	7,60	5.00	6.00	x
142	Lê Thị Thu	Hiền	22122101	02/10/2004	6.40	8.90	5.00	8,40	10.00	7.70	x
143	Lê Vũ Thu	Hiền	21135274	25/05/2003	4.90	0.00	4.00	0,00	1.10	2.00	
144	MAI THỊ THÚY	HIỀN	23122065	30/09/2005	7.00	6.80	7.00	7,40	6.50	6.90	x
145	Nguyễn Lê Thanh	Hiền	22128048	15/12/2004	6.10	6.60	9.10	9,40	5.00	7.20	x
146	Trang Thị Diệu	Hiền	21126339	15/12/2001	6.90	5.90	5.00	8,10	5.50	6.30	x
147	Cao Thái	Hiển	21118232	22/11/2003	6.90	7.10	6.90	5,00	8.10	6.80	x
148	Nguyễn Minh	Hiệp	20213006	07/07/1982	5.20	0.40	3.10	0,00	0.00	1.70	
149	Nguyễn Đoàn Văn	Hiệp	21139290	12/11/2003	4.10	0.00	0.60	0,00	0.00	0.90	
150	VÕ TRƯỞNG THẾ	HIỆP	23126060	21/02/2005	6.60	6.80	5.00	8,80	3.00	6.00	
151	CAO VĂN	HIẾU	23153016	02/09/2005	3.80	6.50	3.30	7,00	3.00	4.70	
152	Ngô Thành	Hiếu	22127008	18/11/2004	7.40	7.60	8.10	8,10	8.60	8.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
153	Nguyễn Minh	Hiếu	21154173	16/07/2003	4.70	0.00	0.00	0,00	8.10	2.60	
154	Nguyễn Trọng	Hiếu	21138018	09/10/2003	5.60	8.60	5.80	8,10	5.50	6.70	x
155	NGUYỄN VĂN	HIẾU	23154022	10/12/2005	7.30	6.90	6.00	8,10	6.50	7.00	x
156	Phạm Ngọc	Hiếu	21139295	25/02/2003	7.10	6.80	6.80	8,30	7.80	7.40	x
157	Thạch Trung	Hiếu	19113049	13/04/2001	6.40	5.00	6.10	7,40	5.60	6.10	x
158	TRẦN TRUNG	HIẾU	23118023	05/07/2005	6.80	8.60	6.90	7,60	8.10	7.60	x
159	Võ Hoàng	Hiếu	21113183	04/06/2003	5.60	8.00	9.50	7,80	8.10	7.80	x
160	VÕ THỊ THU	HIẾU	23123031	10/11/2005	5.80	6.80	6.00	7,40	6.00	6.40	x
161	NGUYỄN THỊ KIM	HOA	23126063	07/01/2005	6.30	7.90	6.10	8,10	8.00	7.30	x
162	NGUYỄN THỊ MỸ	HOA	23155036	31/08/2005	6.80	6.40	5.00	7,90	5.00	6.20	x
163	Lê Thị Mai	Hồng	22129090	30/08/2004	7.80	5.90	5.00	6,90	5.00	6.10	x
164	TRẦN CẨM	HỒNG	23129151	05/02/2005	6.60	7.60	6.10	7,60	6.90	7.00	x
165	Trần Thị	Hồng	20112238	12/07/2002	5.70	5.50	4.30	8,40	7.10	6.20	
166	Trương Thị	Hồng	18123191	13/04/2000	6.50	7.60	6.10	7,10	5.00	6.50	x
167	Nguyễn Thanh	Hoài	22157018	04/12/2004	5.50	6.10	5.00	6,80	5.50	5.80	x
168	Bành Quốc	Hoàng	21153131	15/12/2003	6.70	9.10	6.40	7,60	2.90	6.50	
169	Nguyễn Huy	Hoàng	21137077	29/01/2003	6.40	5.00	5.00	5,00	5.00	5.30	x
170	Nguyễn Tiến	Hoàng	15113164	19/06/1997	4.70	0.00	0.00	0,00	0.00	0.90	
171	Nguyễn Văn Huy	Hoàng	21117074	15/07/2003	4.10	0.00	0.00	0,00	8.10	2.40	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
172	Tô Thị Thanh	Hoàng	22123045	21/12/2004	6.50	6.50	6.00	7,50	6.00	6.50	x
173	Trần Minh	Hoàng	21113187	13/03/2003	3.70	0.00	0.00	0,00	7.50	2.20	
174	NGÔ GIA	HƯNG	23112083	10/04/2005	8.10	7.40	8.90	8,10	8.10	8.10	x
175	Lê Thái	Hòa	22124067	06/01/2004	7.90	8.00	5.50	8,30	7.50	7.40	x
176	Lò Thị	Hòa	21112453	16/03/2003	5.60	6.10	5.00	8,60	5.00	6.10	x
177	Lê Thị Quỳnh	Hương	22128065	15/09/2003	7.30	8.40	6.90	7,60	9.40	7.90	x
178	NGUYỄN KIM THẢO	HƯƠNG	23126070	10/01/2005	7.90	9.00	6.80	8,30	7.10	7.80	x
179	Nguyễn Thị Nguyên	Hương	20213007	23/04/1982	3.70	1.50	1.00	0,00	0.00	1.20	
180	Trần Hồ Xuân	Hương	22129095	22/01/2004	7.60	7.50	5.00	7,50	8.30	7.20	x
181	Trần Ngọc Huỳnh	Hương	21123355	12/10/2003	6.40	8.60	6.00	9,40	5.00	7.10	x
182	Trần Xuân	Hương	20139226	04/11/2002	6.00	6.50	4.50	0,00	3.50	4.10	
183	Lê Văn	Hơn	21152021	19/10/2003	4.10	0.00	0.30	0,00	0.00	0.90	
184	NGUYỄN THỊ BÍCH	HUỆ	23122079	18/01/2005	4.60	7.00	3.40	5,00	6.00	5.20	
185	ĐỖN THỊ KIM	HUỆ	23122078	26/12/2005	6.90	6.60	6.10	7,60	7.50	6.90	x
186	Nguyễn Mạnh	Hùng	20135067	03/11/2002	5.60	7.60	6.40	7,60	7.10	6.90	x
187	Bùi Huỳnh Song	Huy	19138027	01/03/2001	6.40	6.40	5.50	7,80	3.60	5.90	
188	Bùi Thanh	Huy	22128068	04/12/2004	6.00	7.10	6.60	10,00	7.60	7.50	x
189	Dương Gia	Huy	21118254	13/11/2003	4.40	5.90	3.10	9,30	2.60	5.10	
190	Hà Gia	Huy	20126257	08/01/2002	7.20	6.90	5.50	7,40	7.10	6.80	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
191	Huỳnh Văn Huy	21137082	10/06/2003	4.50	3.00	6.10	3,50	3.00	4.00	
192	LÊ ĐẶNG GIA HUY	23129162	09/05/2005	6.90	6.60	5.50	6,10	5.00	6.00	x
193	LÊ QUỐC HUY	23129163	10/12/2005	7.10	8.30	7.00	8,80	7.90	7.80	x
194	NGUYỄN HOÀNG HUY	23124079	02/02/2005	6.60	7.00	6.00	7,30	5.50	6.50	x
195	Nguyễn Mậu Huy	19113192	2001	5.40	5.80	5.00	7,50	5.00	5.70	x
196	NGUYỄN ĐÌNH HUY	23118033	09/07/2005	7.80	6.10	5.50	7,60	7.40	6.90	x
197	Nguyễn Phạm Đức Huy	22128072	20/06/2004	7.40	0.00	5.00	8,30	6.10	5.40	
198	Nguyễn Quốc Huy	20115210	15/12/2002	6.20	5.50	3.80	2,00	6.90	4.90	
199	Đoàn Nguyễn Hưng Huy	20124332	13/02/2002	6.40	7.50	6.50	8,30	5.50	6.80	x
200	Phan Ngọc Anh Huy	22122132	20/02/2004	3.50	6.60	6.40	6,60	6.60	5.90	
201	Quách Đình Văn Huy	20125434	28/10/2002	4.80	0.00	1.50	0,00	8.80	3.00	
202	Từ Công Huy	21130257	16/10/2003	6.70	8.80	6.80	7,50	7.30	7.40	x
203	Trần Bảo Huy	20213067	26/10/1987	5.50	7.80	2.60	1,40	1.10	3.70	
204	Trần Quang Huy	21124372	30/04/2003	6.50	9.00	6.40	6,80	5.00	6.70	x
205	Trương Ngô Minh Huy	20153089	17/04/2002	6.30	6.40	2.40	6,10	7.80	5.80	
206	BÙI THỊ NGỌC HUYỀN	23126076	15/04/2005	7.80	6.90	5.50	8,10	8.10	7.30	x
207	DƯ THỊ LỆ HUYỀN	23129170	16/08/2005	7.60	6.30	8.80	8,30	9.30	8.10	x
208	Nguyễn Mai Huyền	21122864	12/09/2003	6.40	8.10	7.40	7,40	7.10	7.30	x
209	Phùng Thanh Huyền	19128061	08/01/2001	6.90	9.10	6.10	8,90	7.40	7.70	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
210	Cao Thị	Huynh	20126153	03/05/2001	5.00	6.50	6.30	7,80	3.50	5.80	
211	Dương Thị	Huỳnh	21128055	27/11/2003	5.80	3.80	5.50	5,00	6.90	5.40	
212	Đặng Ngọc	Huỳnh	21128054	05/09/2002	6.10	7.30	5.00	5,00	5.00	5.70	x
213	Đào Thị Mộng	Huỳnh	22129106	21/04/2004	5.90	6.30	5.00	7,50	6.00	6.10	x
214	NGUYỄN NGỌC NGÂN	HUỲNH	23139025	05/05/2005	6.40	6.80	8.10	7,40	6.00	6.90	x
215	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUỲNH	23126079	12/01/2005	7.00	5.50	6.40	7,60	9.40	7.20	x
216	Nguyễn Văn	Huỳnh	21129689	14/01/2003	8.00	5.30	6.30	7,00	6.30	6.60	x
217	TRỊNH PHƯỢNG	HUỲNH	23112089	31/05/2005	7.30	6.80	6.00	7,80	8.10	7.20	x
218	Đặng Phúc	Hy	22145024	06/07/2004	7.30	7.40	6.60	7,40	7.90	7.30	x
219	Y Diu Mlô	Kbuôr	19128063	30/04/2001	7.20	7.50	6.50	8,80	5.00	7.00	x
220	H' Sam Niê	Kdăm	17125477	15/03/1998	4.90	6.60	3.60	0,00	5.00	4.00	
221	Lê Cảnh	Kha	15124122	06/04/1997	5.30	6.40	5.50	7,60	1.50	5.30	
222	Đào Minh	Kha	22139029	29/09/2004	6.50	7.30	5.50	8,30	10.00	7.50	x
223	ĐẶNG DUY	KHANG	23118040	09/12/2005	4.30	2.60	5.00	2,60	2.60	3.40	
224	NGUYỄN GIA	KHANG	23127015	29/10/2005	5.20	8.30	6.10	9,30	5.00	6.80	x
225	Nguyễn Lê	Khang	20125448	09/01/2002	4.90	0.00	0.50	0,00	0.00	1.10	
226	Nguyễn Nguyên	Khang	20116207	02/02/2001	5.70	8.50	6.50	9,30	5.50	7.10	x
227	NGUYỄN THANH	KHANG	23112095	16/01/2005	7.80	8.10	6.90	8,40	8.40	7.90	x
228	Lê Duy	Khanh	20213008	16/09/1984	5.70	7.00	6.30	3,50	5.50	5.60	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
229	Nguyễn Quang	Khải	20126264	05/04/2002	5.30	8.10	2.00	8,90	1.50	5.20	
230	Đoàn Quang	Khải	22139030	13/08/2004	6.80	7.90	3.50	8,40	5.80	6.50	
231	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	23139030	03/09/2005	3.40	0.00	2.30	7,00	0.00	2.50	
232	Nguyễn Văn	Khánh	21118270	17/03/2003	5.80	9.10	3.10	7,90	2.60	5.70	
233	Võ Thị Kim	Khánh	21122578	22/01/2003	4.90	6.00	6.00	7,90	7.90	6.50	
234	Lê Ngọc	Khoa	22114010	12/12/1999	6.80	6.10	7.40	8,90	6.90	7.20	x
235	PHẠM THỊ YẾN	KHOA	23116035	07/12/2005	5.60	6.00	9.10	7,60	7.90	7.20	x
236	Trần Anh	Khoa	19154076	01/07/2001	5.20	6.50	4.80	7,80	1.00	5.10	
237	Trần Đăng	Khoa	21155106	05/01/2003	4.20	6.80	5.50	7,40	6.00	6.00	
238	TRẦN NGỌC ANH	KHOA	23122107	08/06/2005	7.40	8.10	5.00	8,90	6.50	7.20	x
239	TRƯỜNG THỊ KIM	KHOA	23126084	15/08/2005	7.70	7.90	6.10	7,40	6.00	7.00	x
240	Võ Huỳnh Anh	Khoa	21120405	25/12/2003	7.60	7.50	8.30	7,80	8.60	8.00	x
241	VÕ KHÁNH	KHOA	23153029	19/03/2005	8.20	7.60	6.90	8,10	8.90	7.90	x
242	Lê Minh	Khôi	21123241	21/07/2003	4.50	0.00	0.30	0,00	6.10	2.20	
243	Nguyễn Hữu	Khôi	22155048	10/10/2004	5.00	6.90	2.10	8,10	5.00	5.40	
244	NGUYỄN TRƯỜNG ĐĂNG	KHÔI	23163014	08/04/2005	6.80	6.00	5.50	7,40	7.40	6.60	x
245	TRẦN KHÁNH MINH	KHÔI	23149051	25/07/2005	7.30	6.50	5.50	8,80	6.30	6.90	x
246	NGÔ ĐẶNG NGỌC	KHUÊ	23126085	24/02/2005	7.40	6.10	5.50	7,40	0.00	5.30	
247	Lâm Tuấn	Kiệt	21124386	13/09/2003	7.80	7.10	3.90	8,40	6.10	6.70	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
248	Lê Hoàng Tuấn	Kiệt	20213043	08/01/1993	8.30	8.60	7.10	7,40	9.30	8.10	x
249	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22145029	12/11/2004	7.40	7.10	7.40	8,90	8.10	7.80	x
250	Trần Anh	Kiệt	21118285	19/11/2003	7.40	7.90	7.40	7,40	8.00	7.60	x
251	Trần Anh	Kiệt	21133096	09/11/2003	5.30	8.30	7.30	8,80	8.80	7.70	x
252	Đặng Thị Thúy	Kiều	21127022	23/01/2003	6.90	7.10	5.50	10,00	7.60	7.40	x
253	Bùi Nguyễn Hoàng	Kim	22145030	16/03/2004	4.60	7.10	3.10	8,60	7.10	6.10	
254	Cao Thùy Thiên	Kim	22120069	09/10/2004	6.30	5.50	6.00	7,90	6.90	6.50	x
255	NGUYỄN THỊ THIÊN	KIM	23128242	26/05/2000	6.50	9.40	7.40	7,90	7.60	7.80	x
256	NGUYỄN HUỲNH	KỶ	23115028	26/03/2005	7.20	7.00	7.30	7,50	8.60	7.50	x
257	Nguyễn Vũ Xuân	Kỳ	20113261	18/01/2002	5.30	4.00	0.50	3,00	0.00	2.60	
258	Đàm Trường	Lân	20115216	02/12/2002	5.30	5.00	5.50	7,00	6.60	5.90	x
259	Trần Phạm Trúc	Lam	22129127	31/03/2004	7.50	5.00	6.90	7,60	5.90	6.60	x
260	Trần Thị Hà	Lam	21124389	25/06/2003	6.50	8.90	6.50	7,60	5.50	7.00	x
261	Đặng Phương	Lan	19125147	25/06/2001	5.40	3.90	4.30	7,60	5.00	5.20	
262	LÊ THỊ PHƯƠNG	LIÊN	23122119	27/12/2005	5.60	8.40	6.40	7,60	9.60	7.50	x
263	Hoàng Thị Thùy	Linh	22128087	10/01/2004	6.40	6.40	3.90	3,10	5.00	5.00	
264	LÊ THỊ NGỌC	LINH	23155059	10/02/2005	6.80	6.50	7.00	7,10	7.10	6.90	x
265	Lê Thị Thùy	Linh	19123225	27/04/1999	5.90	6.80	5.50	7,60	5.80	6.30	x
266	Lưu Thị Thu	Linh	22128088	07/11/2004	6.80	8.10	6.40	7,60	6.10	7.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
267	NGUYỄN THỊ	LINH	23122124	06/01/2004	7.10	7.10	3.40	8,10	6.00	6.30	
268	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	23149056	30/03/2005	6.70	7.90	5.00	7,60	6.30	6.70	x
269	Đỗ Thị Quang	Linh	21112348	02/03/2003	7.10	8.40	6.30	8,60	5.00	7.10	x
270	Phạm Gia	Linh	21120415	13/08/2003	4.80	8.10	6.40	7,10	6.00	6.50	
271	TRẦN THỊ MAI	LINH	23139037	01/01/2005	7.30	6.80	7.60	7,40	8.00	7.40	x
272	Trương Thùy	Linh	22129138	06/04/2004	6.60	6.60	5.00	8,90	8.30	7.10	x
273	Vũ Ngọc Phương	Linh	20128114	02/01/2002	5.20	5.30	2.40	2,10	3.10	3.60	
274	NGUYỄN VĂN	LỘC	23138051	07/12/2005	7.30	6.40	0.00	5,50	6.30	5.10	
275	NGUYỄN VĂN	LỘC	23129219	17/03/2005	8.40	7.90	5.50	8,40	6.90	7.40	x
276	THẠCH PHƯỚC	LỘC	23126102	19/01/2005	5.90	6.60	5.50	6,60	7.10	6.30	x
277	Trần Bùi Quang Thiên	Lộc	21149037	06/12/2003	5.80	6.50	4.30	7,50	6.50	6.10	
278	NGUYỄN THỊ THÚY	LOAN	23120088	08/08/2005	6.10	8.80	7.30	8,30	10.00	8.10	x
279	Đặng Duy	Long	15118054	22/06/1997	6.10	5.80	5.80	6,50	6.00	6.00	x
280	Đặng Hải	Long	21124283	15/11/2003	6.30	7.90	2.60	9,10	6.00	6.40	
281	Phạm Hoàng	Long	22129142	15/08/2004	7.20	6.10	5.30	7,90	5.50	6.40	x
282	TRẦN NGUYỄN PHI	LONG	23117018	01/11/2005	5.30	7.90	3.10	0,00	5.00	4.30	
283	Vũ Ngọc	Long	18111065	24/02/1994	5.50	5.80	3.50	7,00	3.00	5.00	
284	Bùi Thị	Luyến	21129743	08/12/2003	6.70	8.90	7.90	7,60	7.60	7.70	x
285	Phạm Thị	Luyến	21112506	07/09/2003	6.70	8.90	7.40	7,60	5.50	7.20	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
286	HOÀNG TRÚC LY	23120091	15/12/2005	6.00	7.10	6.90	7,40	7.60	7.00	x
287	Lý Thuỷ Ly	18112352	19/07/1999	5.10	7.60	3.00	5,00	2.00	4.50	
288	Trần Minh Mẫn	21155114	12/10/2003	7.40	7.90	6.90	7,40	9.30	7.80	x
289	HOÀNG XUÂN MAI	23139043	07/12/2005	6.00	9.10	5.50	6,00	7.40	6.80	x
290	HUỲNH THỊ MAI	23122142	19/08/2005	6.60	8.50	7.50	7,50	8.90	7.80	x
291	Lê Xuân Mai	21123334	14/03/2003	6.00	5.50	4.90	7,80	0.00	4.80	
292	Nguyễn Phương Mai	19112104	12/01/2001	3.90	7.90	4.30	7,40	7.00	6.10	
293	Nguyễn Xuân Mai	21149191	27/07/2003	7.10	7.40	7.10	9,10	7.90	7.70	x
294	Đinh Quỳnh Mai	22133009	10/02/2004	7.40	7.60	6.40	8,40	8.00	7.60	x
295	Đoàn Thị Thảo Mai	21125193	28/03/2003	6.10	6.50	5.00	5,00	5.00	5.50	x
296	Trần Văn Mạnh	20213011	20/07/1980	4.70	4.80	0.00	0,00	1.10	2.10	
297	Kiều Đặng Quỳnh Mi	20139255	17/06/2002	5.50	9.30	7.80	7,50	5.60	7.10	x
298	Đỗ Thị Diễm Mi	22113046	17/02/2004	5.40	7.10	4.30	6,90	6.00	5.90	
299	Lê Thị Kiều My	22139055	20/09/2004	7.20	8.60	5.30	8,10	5.50	6.90	x
300	Nguyễn Bửu Minh	21154233	12/01/2003	6.40	7.40	5.30	8,90	5.00	6.60	x
301	Nguyễn Trương Quốc Minh	21124412	26/09/2003	7.40	8.80	6.80	10,00	5.00	7.60	x
302	TRẦN NGHĨA DUY MINH	23137040	28/02/2005	6.30	6.90	3.50	8,40	6.30	6.30	
303	TRANG TRƯỜNG MINH	23112124	29/09/2005	7.50	7.40	8.40	8,10	8.30	7.90	x
304	PHẠM NGUYỄN YẾN MƠ	23128085	03/11/2005	7.10	7.60	6.00	7,40	5.00	6.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
305	Lê Trúc Muội	22124121	17/01/2004	6.60	5.80	5.00	7,30	5.00	5.90	x
306	DƯƠNG LỮ TRÀ MY	23123057	26/02/2005	7.10	7.50	6.40	7,50	7.30	7.20	x
307	HUỲNH THỊ DIỄM MY	23139046	28/10/2005	6.80	6.50	5.00	5,00	8.40	6.30	x
308	Lê Thị Trà My	20125528	18/03/2002	6.40	6.40	5.00	8,60	5.00	6.30	x
309	ĐẶNG DIỄM MY	23129245	30/07/2005	6.90	6.90	7.10	7,90	8.90	7.50	x
310	Nguyễn Hảo My	22128105	15/09/2004	5.80	6.90	5.00	7,40	5.00	6.00	x
311	Nguyễn Kiều Kim My	20122392	27/09/2002	5.90	5.50	2.50	8,10	3.00	5.00	
312	Nguyễn Ngọc My	22122201	19/03/2004	6.10	6.50	3.50	6,80	6.90	6.00	
313	NGUYỄN THỊ THẢO MY	23139047	04/10/2005	5.00	9.00	9.30	7,80	6.40	7.50	x
314	Trần Thị Thảo My	22125149	08/11/2004	6.90	6.50	5.50	8,30	8.60	7.20	x
315	Hồ Thị Mỹ	21129769	13/09/2003	5.70	7.10	5.50	7,40	7.10	6.60	x
316	Huỳnh Thị Kiều Mỹ	22126104	08/07/2004	5.40	6.10	6.00	7,60	6.00	6.20	x
317	Bùi Thị Thu Mỹ	22133010	29/09/2004	6.30	6.10	3.90	5,50	6.00	5.60	
318	Hà Văn Đạt	21137058	09/03/2003	7.30	5.00	3.60	6,80	7.50	6.00	
319	Huỳnh Thành Đạt	21112364	18/02/2003	6.60	8.80	5.00	10,00	5.50	7.20	x
320	Lê Phúc Đạt	20115189	22/11/2002	4.90	3.80	2.50	2,50	2.00	3.10	
321	ĐÀO THÀNH ĐẠT	24128037	18/02/2005	6.20	7.60	4.50	6,00	2.00	5.30	
322	Nguyễn Tấn Đạt	20138076	09/04/2002	6.90	6.30	2.80	1,50	5.50	4.60	
323	Nguyễn Thành Đạt	21113162	07/04/2003	4.70	4.00	7.50	8,30	7.00	6.30	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
324	Triệu Tấn	Đạt	19122334	09/09/2001	5.10	8.90	7.90	7,60	0.00	5.90	
325	Hoàng	Nam	22129153	03/12/2004	6.40	8.50	5.00	9,30	7.40	7.30	x
326	LÊ HOÀI	NAM	23126116	03/11/2005	7.60	6.10	5.00	8,90	8.80	7.30	x
327	Lê Hoàng	Nam	22129154	10/12/2004	7.20	7.10	5.50	7,60	5.50	6.60	x
328	Nguyễn Đăng Hoài	Nam	21152102	06/01/2002	6.10	8.90	7.10	7,40	7.10	7.30	x
329	Nguyễn Ngọc Hoài	Nam	22129155	11/10/2004	7.00	6.60	5.00	7,30	8.30	6.80	x
330	Nguyễn Thanh	Nam	17153045	08/09/1999	7.80	7.10	7.40	5,50	6.50	6.90	x
331	Thạch Hoài	Nam	22154080	10/01/2004	7.10	8.10	7.60	8,40	8.80	8.00	x
332	Trần Văn	Nam	19153044	25/01/2001	5.80	9.40	5.50	7,60	3.10	6.30	
333	Lê Võ Xuân	Đào	21120348	16/12/2003	6.90	6.80	5.00	6,00	6.30	6.20	x
334	Đỗ Anh	Đào	19112366	01/05/2001	5.80	5.30	5.30	8,30	5.50	6.00	x
335	Hoàng Thế Tiểu	Đệ	21154149	11/08/2003	6.60	6.30	7.80	7,50	7.80	7.20	x
336	Huỳnh Thanh	Nga	21124132	05/11/2003	4.50	0.00	3.50	9,30	7.00	4.90	
337	Lê Huỳnh Kim	Nga	21124420	22/08/2003	7.00	7.60	7.60	8,90	6.90	7.60	x
338	Đào Thị Ngọc	Nga	17116088	04/04/1999	6.80	7.90	5.50	8,10	7.10	7.10	x
339	Nguyễn Huỳnh Thế	Nga	20213047	30/10/1984	7.90	6.60	6.90	7,10	6.10	6.90	x
340	Trương Thị Tuyết	Nga	22129159	15/01/2004	6.40	6.30	5.00	8,10	8.10	6.80	x
341	Vũ Hồng Diệp	Nga	22129160	28/02/2004	7.80	7.40	6.00	7,10	5.00	6.70	x
342	Huỳnh Dương Hồng	Ngân	21139349	07/10/2003	5.90	5.50	3.90	5,00	5.00	5.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
343	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	23126122	26/10/2005	7.00	7.40	6.40	8,40	6.00	7.00	x
344	Nguyễn Thị Thu Ngân	22155076	20/06/2004	6.80	7.10	5.50	7,40	7.10	6.80	x
345	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	23126123	14/11/2005	7.30	7.90	7.40	7,40	5.50	7.10	x
346	PHẠM HUỲNH KIM NGÂN	23112137	12/02/2005	7.60	8.10	7.90	8,90	9.10	8.30	x
347	Phạm Huỳnh Thanh Ngân	20111059	12/02/2002	4.20	0.00	0.00	0,00	7.80	2.40	
348	PHAN THỊ NGỌC NGÂN	23126125	05/10/2005	6.90	7.50	6.10	7,50	7.40	7.10	x
349	Tăng Thị Kim Ngân	21124135	27/10/2003	7.60	8.10	7.90	7,60	7.30	7.70	x
350	TRẦN KIM NGÂN	23126127	24/07/2005	7.90	7.80	6.80	7,80	7.80	7.60	x
351	Trần Thị Bích Ngân	21124136	16/02/2003	5.10	3.50	2.80	0,00	8.30	3.90	
352	Dương Nguyễn Tuyết Nghi	22122215	18/11/2004	7.30	6.60	7.60	8,10	7.30	7.40	x
353	Lê Ngọc Xuân Nghi	21139359	26/12/2003	5.70	6.60	6.40	7,60	5.00	6.30	x
354	Ngô Nhật Uyên Nghi	22128111	03/06/2004	6.00	6.50	3.10	6,80	5.00	5.50	
355	Đỗ Thị Tuyết Nghiêm	21155124	06/06/2003	5.80	5.00	5.00	7,10	5.00	5.60	x
356	Nguyễn Văn Nghiêm	20213012	10/04/1978	5.80	6.60	5.50	7,50	5.50	6.20	x
357	Cao Trí Nghĩa	20213048	04/11/1980	2.90	2.50	1.80	2,30	0.00	1.90	
358	Lê Đại Nghĩa	18118088	06/04/2000	6.90	5.50	5.50	7,50	6.90	6.50	x
359	Phạm Thị Thu Ngoan	22129178	09/05/2004	7.10	6.60	5.00	7,60	7.80	6.80	x
360	BÙI TRẦN BẢO NGỌC	23124128	27/12/2004	6.00	5.50	3.90	7,60	5.00	5.60	
361	DƯƠNG THỊ BẢO NGỌC	23120112	11/10/2005	7.70	6.40	9.10	7,90	9.10	8.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
362	Giang Thị Bảo Ngọc	22128115	03/05/2004	7.40	8.40	8.40	8,10	9.50	8.40	x
363	Hoàng Minh Ngọc	21122641	18/12/2003	5.20	6.00	5.00	8,40	7.90	6.50	x
364	HUỲNH LÊ BẢO NGỌC	23128102	12/04/2005	5.80	5.90	5.00	6,80	7.10	6.10	x
365	HUỲNH NGUYỄN THẢO NGỌC	23128103	11/12/2005	6.00	7.60	4.00	7,40	6.40	6.30	
366	LÊ HỒNG NGỌC	23129274	17/03/2005	6.30	7.40	2.50	8,60	6.50	6.30	
367	LÊ THỊ THANH NGỌC	23126132	17/10/2005	6.30	8.40	5.90	7,60	5.50	6.70	x
368	Lương Thế Ngọc	22124138	25/11/2004	5.90	7.50	5.50	7,50	8.90	7.10	x
369	ĐẶNG THỊ HỒNG NGỌC	23123068	25/08/2005	6.90	7.60	5.00	7,90	8.60	7.20	x
370	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	19128111	13/02/2001	5.70	8.50	7.00	10,00	6.80	7.60	x
371	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	23122163	09/05/2005	8.10	8.50	7.30	8,00	6.00	7.60	x
372	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	22129182	17/07/2004	5.50	6.90	6.60	7,60	5.00	6.30	x
373	Nguyễn Thị Minh Ngọc	22128118	09/01/2004	5.10	5.50	2.40	7,10	0.60	4.10	
374	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	22124142	01/04/2004	5.90	6.40	2.50	8,40	5.00	5.60	
375	TRẦN THỊ KIM NGỌC	23124130	05/09/2005	6.50	6.50	3.50	7,50	8.10	6.40	
376	Trương Mỹ Ngọc	22129185	08/06/2004	5.30	6.90	7.00	7,60	10.00	7.40	x
377	Trương Thị Yến Ngọc	19149054	28/01/2001	4.90	6.80	6.10	7,50	7.90	6.60	
378	Hoàng Thanh Nguyên	21128304	12/01/2002	5.00	8.00	5.30	7,80	5.00	6.20	x
379	Nguyễn Đình Nguyên	21130261	23/05/2003	4.20	3.60	4.00	0,00	3.60	3.10	
380	NGUYỄN TRẦN TRUNG NGUYỄN	23154046	08/08/2005	7.50	8.40	7.10	5,00	5.00	6.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
381	Phạm Thị Thảo	Nguyên	21139365	19/10/2003	5.10	6.50	5.80	7,00	5.00	5.90	x
382	Nguyễn Trọng	Nguyễn	22124146	12/10/2004	6.90	5.30	6.00	6,60	5.90	6.10	x
383	Đặng Nguyễn Minh	Nguyệt	22155080	10/01/2004	5.90	5.00	4.00	7,50	7.00	5.90	
384	Vũ Thị Minh	Nguyệt	21128247	09/08/2003	6.90	6.10	7.40	9,40	4.00	6.80	
385	Bùi Anh	Nhân	21124150	02/10/2003	8.30	7.80	5.00	5,00	6.60	6.50	x
386	Ngô Trí	Nhân	21127033	16/04/2003	6.20	5.30	3.80	7,50	3.00	5.20	
387	NGUYỄN HÙNG	NHÂN	23120116	19/04/2005	6.80	7.30	7.30	8,00	5.50	7.00	x
388	Nguyễn Thành	Nhân	21149213	21/12/2003	5.30	6.80	3.80	8,80	7.40	6.40	
389	Huỳnh Minh	Nhật	21153167	31/07/2003	4.90	5.00	0.00	0,00	8.00	3.60	
390	Nguyễn Minh	Nhật	18128124	27/11/2000	6.40	7.50	5.50	6,80	6.00	6.40	x
391	Nguyễn Trần	Nhật	20122426	19/12/2002	4.70	0.00	0.30	0,00	0.00	1.00	
392	PHẠM MINH	NHẬT	23163021	08/08/2005	6.80	6.10	5.00	7,60	8.10	6.70	x
393	Thiên Hoàng	Nhật	20118216	30/06/2002	6.60	5.90	5.00	6,10	7.90	6.30	x
394	Trình Ngọc	Nhĩ	22129214	22/07/2004	7.20	7.60	7.00	8,10	6.90	7.40	x
395	LÊ THỊ TUYẾT	NHAN	23124135	17/11/2005	6.80	6.00	5.00	7,00	6.00	6.20	x
396	Nguyễn Tấn	Nhã	19118298	27/10/2001	3.90	0.00	0.00	0,00	0.00	0.80	
397	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	22128129	05/12/2004	7.40	8.80	7.80	7,50	5.60	7.40	x
398	VŨ THỊ THANH	NHÀN	23126139	17/08/2005	4.20	7.10	4.50	9,10	3.10	5.60	
399	HỒ NGUYỄN QUỲNH	NHI	23122172	01/11/2005	6.30	5.80	5.50	7,60	7.60	6.60	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
400	Lê Hạnh	Nhi	22124151	26/09/2004	7.20	5.90	5.00	8,80	8.10	7.00	x
401	LÊ THỊ NGUYỆT	NHI	23135048	15/02/2005	6.00	5.80	3.80	7,60	5.00	5.60	
402	MAI THỊ YẾN	NHI	23122174	06/06/2005	7.50	7.00	8.00	7,80	7.90	7.60	x
403	Ngô Thị Tuyết	Nhi	20213049	30/04/1990	6.80	7.60	7.10	7,40	7.50	7.30	x
404	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	20164033	18/08/2002	4.00	5.00	5.50	6,00	0.00	4.10	
405	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	22128133	21/06/2004	6.30	6.60	6.90	7,60	8.10	7.10	x
406	NGUYỄN LÊ TUYẾT	NHI	24124114	13/07/2006	6.90	7.40	6.10	8,60	5.50	6.90	x
407	Nguyễn Ngọc	Nhi	21122656	13/03/2003	5.90	6.10	5.00	10,00	5.00	6.40	x
408	Nguyễn Phạm Linh	Nhi	21112560	30/11/2003	4.90	0.00	0.30	0,00	0.00	1.00	
409	Nguyễn Thị Oanh	Nhi	22124152	07/07/2004	5.90	8.30	6.30	7,80	7.90	7.20	x
410	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	22115046	28/07/2004	5.30	6.60	5.00	7,90	7.40	6.40	x
411	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	22145048	24/09/2004	6.00	6.50	6.50	9,30	5.00	6.70	x
412	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22120124	29/11/2004	7.40	7.10	3.90	8,60	7.30	6.90	
413	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	23126144	28/10/2005	7.50	6.10	4.00	7,60	6.40	6.30	
414	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	23133014	04/08/2005	5.30	9.10	5.00	10,00	5.00	6.90	x
415	Trần Ngọc	Nhi	22128134	08/04/2004	6.00	6.10	2.60	8,30	0.00	4.60	
416	Trần Ngọc Yến	Nhi	21124160	31/01/2003	5.40	6.10	6.40	10,00	7.30	7.00	x
417	Trần Thảo	Nhi	22128135	05/08/2004	6.90	6.00	2.30	7,50	6.00	5.70	
418	Thới Thị Cẩm	Nhiên	20112314	19/07/2002	5.40	6.80	7.00	8,30	7.50	7.00	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
419	Lê Quỳnh	Như	21115187	11/01/2003	5.70	6.30	5.50	7,40	6.00	6.20	x
420	Lê Thị	Như	22132011	31/10/2004	6.50	6.60	7.50	6,80	7.10	6.90	x
421	Lương Thị Yến	Như	21112574	27/07/2003	6.50	7.60	3.50	9,40	3.50	6.10	
422	Mai Hà Minh	Như	21123260	06/03/2003	5.80	6.00	7.90	8,40	8.80	7.40	x
423	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	23155093	29/05/2005	6.50	7.10	6.60	8,10	6.80	7.00	x
424	TRẦN QUỲNH	NHƯ	23126151	12/10/2005	7.00	7.00	7.30	7,30	6.60	7.00	x
425	Võ Thảo	Như	21124167	01/06/2003	4.90	0.00	0.30	0,00	0.00	1.00	
426	Vũ Thùy Yến	Như	21155132	16/06/2003	5.40	7.30	6.80	7,50	7.50	6.90	x
427	TUYẾT TẤN	NHỰT	23116064	21/09/2005	7.10	6.30	7.00	7,60	7.40	7.10	x
428	Phạm Chí	Nhường	21135127	08/01/2003	5.70	8.10	7.40	9,40	8.10	7.70	x
429	BÙI HỒNG	NHUNG	23128131	20/03/2005	6.80	6.90	5.00	7,40	6.60	6.50	x
430	NGUYỄN KIỀU	NHUNG	23126152	31/10/2005	6.80	7.90	7.00	6,50	8.40	7.30	x
431	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	22155088	09/10/2004	6.60	6.40	6.40	7,60	6.60	6.70	x
432	NGUYỄN THỊ THU	NHUNG	23116062	12/09/2005	7.70	6.50	5.00	6,00	6.00	6.20	x
433	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21124450	28/05/2003	7.60	7.40	6.90	7,40	8.10	7.50	x
434	NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	23124157	06/03/2005	7.70	6.60	1.80	6,00	0.00	4.40	
435	TRỊNH THỊ HỒNG	NHUNG	23120130	29/07/2005	6.30	6.10	2.80	7,60	7.00	6.00	
436	Nguyễn Thị Diễm	Ni	21125852	23/10/2003	6.70	9.40	6.60	9,40	6.40	7.70	x
437	Phạm Sơn	Điền	20139191	09/10/2002	6.50	8.90	5.00	9,40	5.50	7.10	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
438	Trần Ngọc	Điệp	20213038	23/01/1986	6.20	6.60	3.80	6,10	5.00	5.50	
439	Nguyễn Văn	Ninh	20125610	11/02/2002	5.80	7.10	5.00	9,10	5.50	6.50	x
440	Lê Tiểu	Đình	22155015	19/01/2004	4.70	6.40	7.30	8,30	5.50	6.40	
441	Võ Khánh	Đoan	22123022	30/05/2004	8.00	6.90	6.60	8,60	7.30	7.50	x
442	TRẦN NAM	ĐÌNH	23124036	29/08/2005	6.30	6.00	5.50	7,40	5.50	6.10	x
443	Hồ Minh	Đức	22115010	10/08/2004	5.90	6.90	7.10	7,40	8.60	7.20	x
444	Nguyễn Hữu	Đức	22138022	19/05/2004	5.40	7.60	5.00	9,40	7.00	6.90	x
445	LÊ HOÀNG	OANH	23128136	08/07/2005	6.90	6.80	4.00	7,50	5.50	6.10	
446	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	21127134	19/02/2003	5.70	6.80	3.50	6,00	5.60	5.50	
447	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	23123180	12/04/2005	7.30	7.00	7.50	7,80	2.90	6.50	
448	Nguyễn Thị Xuân	Oanh	22124157	01/08/2004	4.00	1.10	2.60	8,10	0.00	3.20	
449	PHAN KIỀU	OANH	23124160	31/05/2005	7.10	6.00	5.50	7,60	5.50	6.30	x
450	Huỳnh Tấn	Phát	21154257	18/12/2003	6.30	5.50	5.50	8,40	7.40	6.60	x
451	NGUYỄN TẤN	PHÁT	23126158	09/09/2005	7.40	8.80	5.00	7,50	8.10	7.40	x
452	NGUYỄN TIẾN	PHÁT	23139067	02/07/2005	6.30	6.40	8.30	6,80	5.50	6.70	x
453	Trương Tấn	Phát	20152014	02/09/2002	6.70	5.00	5.00	7,60	6.00	6.10	x
454	Lê Thanh	Phong	21139398	24/05/2003	6.40	5.00	2.40	4,50	5.00	4.70	
455	Lê Văn	Phong	19153056	01/07/2001	5.50	5.00	5.50	8,30	1.10	5.10	
456	Lưu Quốc	Phong	20213050	01/06/1986	7.10	3.90	5.30	5,00	5.50	5.40	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
457	Nguyễn Xuân	Phong	21120477	20/03/2003	5.60	5.00	6.30	5,00	8.00	6.00	x
458	PHẠM NHẬT	PHONG	23154054	17/03/2005	7.20	7.40	5.50	7,10	8.10	7.10	x
459	Tạ Ngọc	Phong	22115052	17/12/2004	6.70	8.00	5.00	9,30	5.50	6.90	x
460	Lê Thị Thúy	Phượng	21120211	11/07/2003	7.30	6.40	6.40	8,10	5.00	6.60	x
461	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	23123087	24/03/2005	7.50	7.00	6.50	7,50	6.90	7.10	x
462	Huỳnh Thị Nam	Phượng	22124172	29/12/2004	6.80	5.30	5.00	8,10	7.30	6.50	x
463	Nguyễn Huỳnh Bích	Phượng	22129230	29/02/2004	5.90	5.00	5.50	7,40	6.90	6.10	x
464	Phạm Ngọc Cát	Phượng	22128151	01/04/2004	6.70	7.60	5.80	8,90	7.00	7.20	x
465	TRẦN NHÃ	PHƯỢNG	23123085	19/10/2005	6.90	5.50	3.50	7,60	5.00	5.70	
466	Trương Nhật	Phượng	22129232	06/02/2004	7.10	6.00	5.00	6,00	8.00	6.40	x
467	Ngô Văn	Phước	20213015	15/01/1991	6.00	5.00	6.90	1,50	5.30	4.90	
468	Nguyễn Thái Thiên	Phước	21152104	01/10/2003	2.30	3.50	4.00	2,00	1.00	2.60	
469	Nguyễn Sĩ	Phú	20122617	22/05/2002	5.00	6.30	4.00	7,40	2.00	4.90	
470	Nguyễn Thanh	Phú	21154266	20/02/2003	6.00	6.10	5.00	7,60	5.00	5.90	x
471	Huỳnh Lê	Phúc	22113062	17/09/2004	6.50	6.90	5.50	7,10	7.80	6.80	x
472	Lê Hoàng	Phúc	21139401	06/04/2003	7.80	7.80	5.30	7,80	7.10	7.20	x
473	NGUYỄN LÊ THIÊN	PHÚC	23149078	10/03/2005	7.50	6.50	6.80	7,50	7.30	7.10	x
474	Trần Hoàng	Phúc	22124167	15/03/2003	6.80	8.50	6.30	6,80	7.30	7.10	x
475	Võ	Phúc	19112376	19/09/2001	4.50	5.00	4.50	0,00	3.40	3.50	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
476	Nguyễn Thanh	Quân	20213017	20/02/1991	6.90	5.90	2.60	8,40	7.00	6.20	
477	Trần	Quân	20213018	02/10/1977	6.40	5.00	3.00	3,50	5.00	4.60	
478	NGUYỄN HUỲNH DUY	QUANG	23139076	17/07/2005	7.00	3.90	5.90	8,00	8.90	6.70	
479	Nguyễn Ngọc	Quang	19125290	12/03/2001	6.20	0.90	6.60	7,90	1.10	4.50	
480	Phạm Tiên	Quang	21152073	04/08/2003	4.40	7.10	5.30	0,00	5.50	4.50	
481	Võ Minh	Quang	21113070	07/05/2003	5.70	5.80	5.50	7,50	5.00	5.90	x
482	CHÂU THANH	QUÁ	23116068	02/01/2005	6.30	8.90	3.80	0,00	8.80	5.60	
483	Nguyễn Thành	Quốc	21138166	29/12/2003	5.60	6.30	3.80	7,80	7.30	6.20	
484	NGUYỄN GIA	QUY	23116072	10/05/2005	4.70	0.00	0.40	0,00	6.80	2.40	
485	Nguyễn Thanh	Quy	20122633	29/09/2002	5.50	6.50	6.50	5,50	5.00	5.80	x
486	Lê Thị Mỹ	Quyên	21120490	20/05/2003	5.40	5.50	6.00	7,40	5.00	5.90	x
487	LÊ VÕ THUỶ PHƯƠNG	QUYÊN	23165012	02/11/2005	4.70	6.50	5.00	8,80	3.10	5.60	
488	NGUYỄN NGỌC TỔ	QUYÊN	23126170	24/06/2005	7.50	7.30	7.50	7,50	9.40	7.80	x
489	Nguyễn Thị Yến	Quyên	19137055	12/04/2001	6.10	5.90	5.00	6,90	0.60	4.90	
490	Huỳnh Hải	Quynh	20131102	19/12/2001	6.30	7.90	0.00	7,40	8.10	5.90	
491	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	23112217	30/04/2005	6.90	3.50	7.90	8,40	0.80	5.50	
492	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	21139417	02/09/2003	4.30	5.00	6.40	6,90	0.50	4.60	
493	LÊ TRẦN NHƯ	QUỲNH	23122228	20/09/2005	7.30	7.00	7.80	8,80	6.90	7.60	x
494	Mai Ngọc Xuân	Quỳnh	22145058	18/08/2004	7.40	5.50	2.50	7,90	6.00	5.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
495	Đào Thị Cẩm	Quỳnh	17612007	22/12/1994	5.00	0.00	1.10	0,00	0.00	1.20	
496	Nguyễn Như	Quỳnh	22157047	16/07/2004	3.40	0.00	5.00	4,50	6.00	3.80	
497	ĐỖ NHƯ	QUỲNH	23126172	30/05/2005	5.20	5.30	5.00	7,10	6.80	5.90	x
498	ĐỖ PHƯƠNG	QUỲNH	23123089	29/07/2005	8.10	6.10	5.00	8,30	7.50	7.00	x
499	Phạm Thị Như	Quỳnh	21128258	20/04/2003	6.10	7.00	5.00	7,80	6.00	6.40	x
500	PHAN NHƯ	QUỲNH	23113104	29/06/2005	6.80	6.40	5.00	6,10	8.50	6.60	x
501	Trương Gia Khánh	Quỳnh	21139419	13/07/2003	5.50	5.00	5.00	7,60	5.00	5.60	x
502	Vũ Thái	Quỳnh	22129248	11/06/2004	5.80	6.30	1.00	5,00	5.00	4.60	
503	HUỲNH LÊ	QUÝ	23116073	16/01/2005	5.30	7.10	5.50	8,10	6.40	6.50	x
504	LÊ TUẤN	QUÝ	23154063	25/05/2005	5.90	7.60	5.50	8,90	6.00	6.80	x
505	Đinh Văn	Quý	21118354	07/04/2003	8.70	5.00	5.00	7,40	5.00	6.20	x
506	Đinh Văn	Quý	20137110	23/02/2001	5.70	4.00	4.00	1,80	5.00	4.10	
507	Phạm Văn	Rôn	21139420	24/03/2002	5.10	5.50	5.50	7,50	3.30	5.40	
508	Lê Minh	Sang	21112615	04/08/2003	6.70	7.40	6.60	8,60	10.00	7.90	x
509	Lê Văn	Sang	20213019	27/07/1973	3.60	1.60	0.00	0,00	0.00	1.00	
510	Phạm Tuấn	Sang	22155097	23/07/2004	5.70	8.80	9.00	10,00	7.80	8.30	x
511	Lê Nguyễn Trường	Sơn	22154105	07/03/2004	6.20	7.60	8.10	7,60	7.10	7.30	x
512	Lý Hồng	Sơn	21154288	06/10/2003	6.50	6.60	6.10	7,40	5.00	6.30	x
513	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	SƠN	23124192	06/06/2005	7.50	8.40	5.00	10,00	6.60	7.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
514	Nguyễn Trường Sơn	21138171	22/08/2003	8.50	8.10	9.40	8,60	10.00	8.90	x
515	Đỗ Thái Sơn	21130259	24/04/2003	5.80	7.80	6.50	8,80	2.50	6.30	
516	LÊ THỊ NGỌC SƯƠNG	23123091	14/01/2005	5.40	8.40	5.50	7,40	6.60	6.70	x
517	Nguyễn Thế Ngọc Sương	19117070	02/09/2001	5.00	5.50	6.00	9,40	6.00	6.40	x
518	Lý Nhật Tâm	21113284	21/01/2003	5.40	6.10	5.00	7,90	7.60	6.40	x
519	Ngô Minh Tâm	20213021	12/06/1981	4.00	0.00	1.40	0,00	5.00	2.10	
520	Nguyễn Đình Tâm	21154300	12/06/2003	6.60	6.80	6.80	7,40	6.50	6.80	x
521	Nguyễn Văn Tâm	20118249	15/06/2002	6.20	6.60	7.30	7,80	6.40	6.90	x
522	Huỳnh Văn Tân	21124483	12/04/2003	5.30	6.10	5.00	2,60	5.50	4.90	
523	LÊ ĐỨC TÂN	23122238	22/06/2005	4.00	7.30	5.50	8,30	5.00	6.00	
524	Nguyễn Lập Tân	19116106	17/03/2001	6.00	6.90	7.10	6,00	6.00	6.40	x
525	Nguyễn Hiếu Tài	20124463	11/09/2002	5.50	5.00	5.00	8,80	6.00	6.10	x
526	Nguyễn Văn Tài	20213020	12/09/1996	7.10	5.80	6.00	7,60	5.00	6.30	x
527	Trần Thị Thu Thắm	21123187	23/05/2002	5.90	3.80	5.80	7,40	3.50	5.30	
528	Bùi Quang Thắng	21139426	05/04/2003	5.60	7.40	6.90	7,40	9.30	7.30	x
529	Dương Văn Thắng	22145069	22/08/2004	6.70	6.40	5.50	7,60	8.10	6.90	x
530	HÀ HOÀNG THẮNG	23124198	06/03/2005	5.50	8.10	6.90	8,40	6.00	7.00	x
531	Lê Hoàng Thắng	21139159	01/11/2003	6.90	3.90	5.50	7,50	5.50	5.90	
532	NGUYỄN THIÊN THANH	23155114	19/12/2005	5.60	6.90	5.50	8,90	2.60	5.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
533	Trịnh Nhật	Thanh	22125262	05/02/2004	5.00	6.30	4.00	7,50	8.10	6.20	
534	Huỳnh Kim	Thành	20112358	01/03/2002	6.20	7.90	6.30	6,50	5.00	6.40	x
535	Nguyễn Minh	Thành	21113294	25/10/2003	6.30	8.10	6.60	7,40	6.90	7.10	x
536	Nguyễn Minh	Thành	22135107	18/05/2004	5.60	7.00	7.00	7,40	5.50	6.50	x
537	Nguyễn Ngọc Trường	Thành	20115302	05/10/2002	5.30	5.00	5.00	8,10	5.00	5.70	x
538	Đoàn Thị Minh	Thành	22129263	05/07/2004	7.30	5.80	5.00	7,80	6.90	6.60	x
539	Phạm Chí	Thành	21154315	29/06/2003	7.50	8.50	5.50	7,80	8.30	7.50	x
540	Võ Trung	Thành	21155149	22/05/2003	3.70	0.50	0.00	2,50	1.00	1.50	
541	Bùi Hoàng	Thái	22145066	07/10/2004	7.30	7.40	7.60	8,10	8.10	7.70	x
542	Phạm Văn	Thái	21111343	02/01/2003	6.00	6.90	7.90	8,60	6.10	7.10	x
543	Bùi Thị Thu	Thảo	22120169	30/05/2004	6.10	6.80	6.80	7,40	6.90	6.80	x
544	CÁI NGUYỄN NGUYỄN	THẢO	23122244	26/02/2005	7.00	9.30	8.30	9,30	7.80	8.30	x
545	Huỳnh Thị Phương	Thảo	21128260	24/10/2003	6.10	7.00	8.40	8,10	9.40	7.80	x
546	Huỳnh Thị Thu	Thảo	20116257	15/02/2002	5.00	7.00	5.00	7,60	5.60	6.00	x
547	Lê Thị Thu	Thảo	22120170	28/04/2004	7.90	6.50	7.50	7,50	6.10	7.10	x
548	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	THẢO	23126193	30/08/2005	7.00	8.90	5.50	9,40	9.60	8.10	x
549	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THẢO	23122246	25/01/2005	6.40	6.10	5.50	6,90	5.00	6.00	x
550	NGUYỄN THANH	THẢO	23122248	05/05/2005	8.40	6.10	5.00	8,10	6.00	6.70	x
551	Đỗ Thanh	Thảo	21139433	05/04/2003	7.80	8.90	7.60	7,90	6.40	7.70	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
552	Đoàn Ngọc Thanh Thảo	20123193	18/06/2002	5.40	7.40	5.50	6,40	0.00	4.90	
553	Đoàn Thị Thanh Thảo	21129920	19/10/2003	4.90	5.00	7.10	7,10	5.00	5.80	
554	Trần Ngọc Thanh Thảo	21149269	19/06/2003	6.50	5.50	6.60	8,10	7.10	6.80	x
555	Trần Thị Hương Thảo	21127154	19/07/2003	6.10	5.50	2.10	7,40	5.00	5.20	
556	NGUYỄN NGỌC KHÁNH THI	23129411	08/02/2005	6.80	6.40	2.60	8,10	5.80	5.90	
557	Lê Nguyễn Minh Thiện	22124199	21/09/2004	5.80	5.90	5.90	7,90	7.80	6.70	x
558	Lê Đức Thiện	21154320	17/03/2003	5.50	5.50	5.00	8,30	6.50	6.20	x
559	LÊ VÕ MINH THIÊN	23118095	12/09/2005	6.70	8.30	8.50	8,80	6.80	7.80	x
560	Nguyễn Ngọc Thiện	21163110	17/05/2003	7.00	7.00	7.00	7,60	6.10	6.90	x
561	Phan Vũ Thiện	20145162	26/06/2002	4.40	3.80	2.50	7,60	5.00	4.70	
562	NGUYỄN THỊ DIỄM THƠ	23129418	30/04/2005	6.50	6.50	7.00	6,90	2.00	5.80	
563	NGUYỄN THỊ HOÀNG THƠ	23128168	13/04/2005	5.80	7.40	0.00	8,60	6.40	5.60	
564	Võ Minh Thơ	21129938	22/07/2003	7.00	6.60	6.00	6,90	6.80	6.70	x
565	Hồ Anh Thư	22111112	25/01/2004	5.90	5.00	5.00	7,60	6.00	5.90	x
566	HỒ THỊ ANH THƯ	23120170	24/05/2005	6.40	5.00	5.00	8,90	7.60	6.60	x
567	Hoàng Nguyễn Anh Thư	22130350	08/03/2004	6.50	8.50	5.00	5,00	8.60	6.70	x
568	LÊ NGỌC MINH THƯ	23157066	23/11/2005	7.90	6.80	5.50	7,50	8.40	7.20	x
569	LÊ THỊ ANH THƯ	23126209	19/06/2005	5.60	9.10	3.60	8,90	5.90	6.60	
570	Nguyễn Hoàng Minh Thư	21125943	01/12/2003	5.60	5.00	7.10	7,60	0.00	5.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
571	NGUYỄN MINH THƯ	23139095	24/10/2005	6.60	5.90	5.00	7,50	6.80	6.40	x
572	Nguyễn Ngọc Anh Thư	21135175	10/10/2003	6.60	6.50	6.80	6,80	8.10	7.00	x
573	Nguyễn Ngọc Minh Thư	22129277	26/04/2004	7.90	6.10	6.60	8,10	1.10	6.00	
574	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	23126213	02/11/2005	6.40	9.10	4.50	8,40	1.60	6.00	
575	NGUYỄN THỊ KIM THƯ	23135076	05/10/2005	6.20	7.60	6.90	7,60	8.60	7.40	x
576	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	23124218	25/09/2005	6.10	7.60	5.50	5,00	6.60	6.20	x
577	Phạm Thị Thư	21129947	06/08/2003	5.50	7.40	8.40	8,10	0.00	5.90	
578	PHAN THỊ MINH THƯ	23128170	01/08/2005	7.10	6.60	7.10	7,40	6.00	6.80	x
579	TRẦN ANH THƯ	23139097	23/12/2005	7.90	8.90	8.10	9,10	8.30	8.50	x
580	Trần Thị Minh Thư	16122004	05/09/1998	5.70	6.10	6.90	6,90	7.10	6.50	x
581	Lê Trương Tấn Thoại	19139156	16/11/2001	6.00	5.80	5.50	0,00	5.00	4.50	
582	Dương Bình Thông	22128184	30/10/2004	6.00	8.40	7.60	6,90	8.40	7.50	x
583	Nguyễn Văn Thông	20213028	16/06/1983	6.00	0.00	1.50	0,00	0.00	1.50	
584	Đỗ Nguyên Thông	17128130	01/01/1999	7.40	6.00	5.50	7,40	6.30	6.50	x
585	Huỳnh Tấn Thọ	20213060	12/07/1976	4.20	1.00	0.00	0,00	0.00	1.00	
586	NGUYỄN HỒ PHÚ THỌ	23138082	25/02/2005	7.10	7.00	6.80	7,80	8.10	7.40	x
587	Huỳnh Ngọc Thịnh	22154118	21/01/2004	8.10	8.90	6.90	7,40	7.80	7.80	x
588	NGUYỄN HƯNG THỊNH	23116088	22/02/2005	7.00	5.90	7.40	7,60	8.40	7.30	x
589	Nguyễn Trung Thịnh	21113305	31/03/2003	6.00	2.90	5.50	7,50	6.30	5.60	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
590	Nguyễn Hữu	Thừa	22155113	21/09/2004	7.70	5.30	5.50	7,50	9.10	7.00	x
591	HOÀNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	23120180	07/09/2005	6.70	8.90	6.90	6,90	1.00	6.10	
592	Nguyễn Thị Hoài	Thương	22123142	30/09/2004	8.40	6.30	5.50	7,40	7.30	7.00	x
593	Vũ Song	Thương	22128196	26/09/2003	7.20	7.00	5.00	8,30	6.00	6.70	x
594	Võ Thị Mỹ	Thường	22129297	25/07/2004	6.20	7.50	6.80	6,00	7.40	6.80	x
595	Diệp Lê Nhật	Thu	21139442	08/11/2003	6.10	6.90	5.50	1,90	5.50	5.20	
596	PHAN THỊ NGỌC	THU	23116089	03/06/2005	5.90	7.10	5.30	5,50	6.40	6.00	x
597	Phan Thị Ngọc	Thu	21112655	03/08/2003	6.90	6.40	6.90	7,60	10.00	7.60	x
598	Huỳnh Minh	Thuận	20138131	12/03/2002	5.40	5.30	0.50	8,30	2.50	4.40	
599	Lê Quang	Thuận	21139450	09/02/2003	7.30	8.80	6.80	8,80	7.80	7.90	x
600	NGÔ ĐỨC	THUẬN	23149095	22/03/2005	6.70	7.40	6.00	7,40	9.30	7.40	x
601	NGUYỄN HOÀNG NAM	THUẬN	23153058	08/08/2005	7.90	9.10	8.40	8,90	6.30	8.10	x
602	Nguyễn Ngọc	Thuận	21118384	03/07/2003	7.00	6.80	7.60	7,00	6.00	6.90	x
603	Nguyễn Văn	Thuận	20213061	07/05/1974	5.40	5.00	5.00	7,40	0.00	4.60	
604	HUỲNH THỊ THU	THÙY	23122271	15/04/2004	7.70	7.60	7.40	8,40	6.60	7.50	x
605	LÊ THỊ KIM	THÙY	23126222	30/04/2005	6.80	8.40	7.40	7,40	7.40	7.50	x
606	Nguyễn Thị Đang	Thùy	20122527	24/02/2002	4.70	3.40	5.50	7,50	6.00	5.40	
607	TRẦN THỊ BÍCH	THÙY	23139098	18/06/2005	5.70	5.50	6.80	8,30	6.40	6.50	x
608	DƯ NGUYỄN HUỲNH	THÚY	23120182	06/03/2005	6.70	7.90	5.50	9,40	7.90	7.50	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
609	Huỳnh Thị Diễm Thúy	22113083	08/01/2004	7.20	9.00	5.00	8,30	7.60	7.40	x
610	Nguyễn Thị Thanh Thúy	20213064	27/03/1982	6.90	6.10	3.60	6,80	5.50	5.80	
611	Trần Thanh Thúy	22128198	24/12/2004	5.40	6.10	5.00	7,40	2.10	5.20	
612	Trần Thị Ngọc Thúy	20213063	11/03/1985	6.80	6.10	5.00	7,40	6.00	6.30	x
613	Trần Thị Thanh Thúy	22120179	09/04/2004	6.90	5.90	5.30	6,10	7.90	6.40	x
614	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	23129453	15/01/2005	8.20	8.90	8.10	9,10	6.10	8.10	x
615	Võ Trịnh Thanh Thủy	22116095	02/05/2004	6.90	7.30	8.00	8,30	7.10	7.50	x
616	Nguyễn Bảo Thy	22129302	21/10/2004	5.80	7.00	5.50	7,80	5.50	6.30	x
617	Lê Nguyễn Tân Tiến	21118388	23/10/2003	5.70	2.10	3.60	5,90	2.40	3.90	
618	Ngô Công Tiến	21139459	21/02/2002	5.00	5.30	6.10	8,90	1.90	5.40	
619	Ngô Trần Thành Tiến	22149080	29/11/2004	6.70	8.60	7.00	8,10	8.40	7.80	x
620	NGUYỄN HỒNG TIẾN	23138084	24/10/2005	7.50	8.90	7.00	10,00	10.00	8.70	x
621	NGUYỄN MINH TIẾN	23133021	17/12/2005	6.40	6.90	5.50	8,60	3.00	6.10	
622	Nguyễn Phúc Tiến	18115098	30/06/2000	5.60	6.90	5.50	8,10	1.10	5.40	
623	NGUYỄN QUỐC TIẾN	23139101	18/05/2005	3.80	6.10	6.80	8,30	2.60	5.50	
624	NGUYỄN TRUNG TIẾN	23124236	12/11/2005	5.10	7.00	5.00	7,80	5.00	6.00	x
625	Điêu Trung Tiến	17113218	15/04/1998	4.50	5.80	3.50	7,60	0.50	4.40	
626	Đỗ Nguyễn Hữu Tiến	21118387	06/09/2003	6.50	7.50	4.00	5,00	6.30	5.90	
627	Phạm Mạnh Tiến	22122394	19/03/2004	6.90	7.00	5.00	7,50	3.10	5.90	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
628	Trần Quốc	Tiến	19123156	08/06/2001	5.40	6.10	1.10	0,00	1.40	2.80	
629	TRẦN TRUNG	TIẾN	23138086	02/01/2005	7.50	8.60	6.10	9,40	8.60	8.00	x
630	Vũ Xuân	Tiến	21154331	17/06/2003	5.50	7.00	6.10	5,00	5.50	5.80	x
631	HUỖNH THANH	TIỀN	23124239	20/05/2005	5.90	6.80	7.30	8,30	5.00	6.70	x
632	NGUYỄN HỮU	TIỀN	23120188	12/03/2005	6.60	6.60	5.00	6,60	5.90	6.10	x
633	Nguyễn Thanh	Tiền	20145172	11/04/2002	6.20	5.00	2.60	7,60	5.00	5.30	
634	Huỳnh Thị Cẩm	Tiền	21122748	19/09/2003	6.20	5.90	5.50	10,00	5.00	6.50	x
635	HUỖNH THỊ CẨM	TIỀN	23129456	06/02/2005	7.50	6.80	5.50	7,50	8.30	7.10	x
636	Nguyễn Thị Cẩm	Tiền	22149079	09/10/2004	7.40	9.10	3.50	8,90	7.40	7.30	
637	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	23126225	17/04/2005	6.30	6.40	6.10	8,40	5.50	6.50	x
638	PHẠM THỊ CẨM	TIỀN	23122278	13/11/2005	7.80	8.90	8.10	8,90	5.60	7.90	x
639	Ngô Thanh	Tiếng	20137122	14/04/2002	4.60	5.80	5.00	0,00	7.00	4.50	
640	Phan Bá Bảo	Tin	18126176	26/09/2000	5.80	7.90	6.60	7,10	3.60	6.20	
641	Phan Trọng	Tính	22154127	27/11/2004	7.20	8.10	5.00	8,90	6.50	7.10	x
642	Võ Nhựt	Tính	15111155	22/02/1997	6.40	0.80	6.50	0,00	3.50	3.40	
643	Bành Hữu	Tinh	20126383	26/05/2002	6.00	6.30	1.50	1,00	7.10	4.40	
644	NGUYỄN NGÔ ĐỨC	TOÀN	23137065	18/01/2005	7.70	7.00	6.00	7,80	6.50	7.00	x
645	Trần Văn Vĩnh	Toàn	21116230	26/10/2003	5.30	5.00	5.00	8,90	7.90	6.40	x
646	Trần Quang	Tốt	21118393	18/07/2003	6.30	5.00	5.00	7,60	0.00	4.80	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
647	Hà Ngọc	Trâm	18115103	20/04/2000	6.40	7.60	7.10	7,90	5.40	6.90	x
648	Lâm Thị Huyền	Trâm	20112381	08/01/2002	5.90	8.40	5.50	7,40	8.00	7.00	x
649	ĐẶNG NGỌC	TRÂM	24120161		3.20	6.10	5.00	7,40	2.60	4.90	
650	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	23135081	26/10/2005	5.10	6.00	5.00	8,30	5.50	6.00	x
651	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	23122291	01/05/2005	4.90	2.60	1.90	3,10	0.00	2.50	
652	Nguyễn Ngọc	Trâm	17116162	11/04/1999	4.50	7.90	3.30	3,50	5.00	4.80	
653	Nguyễn Quỳnh	Trâm	21120548	16/08/2003	5.70	6.10	5.50	8,10	7.00	6.50	x
654	Nguyễn Thị Bích	Trâm	22125317	20/07/2004	7.70	7.10	7.40	8,60	8.10	7.80	x
655	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	22112349	07/05/2004	6.20	6.10	5.50	8,40	7.00	6.60	x
656	CHU NGỌC QUỲNH	TRÂN	23111142	07/01/2005	7.90	9.60	6.90	8,90	8.10	8.30	x
657	Diệp Ai Huyền	Trân	21123325	17/12/2003	6.00	6.50	8.30	7,80	5.50	6.80	x
658	Nguyễn Đình Bảo	Trân	21126547	12/08/2003	5.10	2.00	5.50	5,00	1.00	3.70	
659	Nguyễn Thị Quyền	Trân	21129989	10/12/2003	5.70	6.80	6.00	9,10	8.90	7.30	x
660	VŨ NGỌC	TRÂN	23124249	03/11/2005	6.20	5.00	5.00	7,60	5.40	5.80	x
661	HOÀNG THỊ ĐOAN	TRANG	23123113	23/05/2005	6.90	8.10	7.10	7,90	10.00	8.00	x
662	Lâm Thị Yến	Trang	21155162	26/09/2003	5.20	5.00	5.50	2,30	3.00	4.20	
663	Ngô Huyền	Trang	22129329	13/07/2004	6.80	7.50	3.10	7,50	6.30	6.20	
664	NGUYỄN LÊ THANH	TRANG	23112274	19/01/2005	8.70	9.10	8.60	8,90	10.00	9.10	x
665	Nguyễn Ngọc Như	Trang	21128283	09/03/1999	6.00	4.80	5.00	5,50	3.50	5.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
666	NGUYỄN THỊ THÚY TRANG	23120200	14/09/2005	7.00	7.50	7.50	8,00	9.40	7.90	x
667	NGUYỄN THU TRANG	23123116	16/08/2005	8.00	7.60	8.40	7,90	5.50	7.50	x
668	Nguyễn Thùy Trang	22122412	09/10/2004	7.10	6.90	5.00	7,10	8.90	7.00	x
669	Phạm Thu Trang	21120558	01/11/2003	6.70	7.30	7.80	7,80	6.40	7.20	x
670	Phạm Trần Thảo Trang	19128187	26/05/2000	5.70	6.90	6.50	8,10	3.00	6.00	
671	Thị Hồng Trang	21129002	29/07/2003	6.00	7.80	6.80	7,80	5.50	6.80	x
672	TRỊNH THU TRANG	23112278	22/08/2005	7.30	6.60	6.90	7,10	9.10	7.40	x
673	Trương Thị Quỳnh Trang	21125445	09/06/2003	4.20	2.60	5.50	8,10	8.50	5.80	
674	Nguyễn Thanh Trà	22127028	28/04/2004	5.70	4.80	6.00	0,00	1.80	3.70	
675	Lê Đức Trí	15118114	21/08/1997	5.90	5.90	6.10	7,10	6.10	6.20	x
676	PHẠM HỮU TRÍ	23129494	20/02/2005	6.00	6.90	6.90	7,40	5.40	6.50	x
677	Trần Trí	21138195	11/03/2003	6.30	3.90	3.40	8,10	5.50	5.40	
678	Trần Minh Trí	21155169	16/10/2002	6.10	6.50	6.60	8,80	6.00	6.80	x
679	Võ Nguyễn Minh Trí	22149088	05/12/2004	5.70	7.40	5.00	7,10	5.50	6.10	x
680	Huỳnh Minh Triết	21153206	10/06/2003	6.20	2.50	6.90	8,40	1.50	5.10	
681	Đỗ Ngọc Triết	20154233	14/09/2002	5.10	7.40	7.00	7,10	6.00	6.50	x
682	Lê Thị Mai Trinh	21113324	10/08/2003	5.50	6.80	6.90	8,10	6.00	6.70	x
683	Ngô Thị Tuyết Trinh	21125550	29/11/2003	5.30	5.00	6.10	6,10	5.00	5.50	x
684	NGUYỄN NGỌC THÙY TRINH	23122303	28/02/2005	7.50	8.10	7.00	8,10	6.50	7.40	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC

Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
685	Đoàn Huỳnh Mai	Trinh	22128214	21/05/2004	6.40	6.00	2.00	7,90	6.60	5.80	
686	Phạm Ngọc	Trinh	22127032	07/09/2004	5.90	6.80	6.50	6,50	5.00	6.10	x
687	Trần Thị Như	Trinh	20213029	31/08/1984	5.10	6.40	2.60	7,10	5.00	5.20	
688	Trần Thùy	Trinh	21122892	09/03/2003	5.30	1.10	3.60	3,60	0.60	2.80	
689	Bạch Trung	Trực	21111388	01/09/2003	5.20	0.60	5.50	8,10	5.00	4.90	
690	Nguyễn Quang	Trực	20213068	18/08/1985	7.50	7.10	6.90	8,40	9.00	7.80	x
691	Ngô Huỳnh	Trọng	21153208	29/10/2003	5.70	7.40	5.00	6,10	6.50	6.10	x
692	TRẦN THANH	TRỌNG	23139108	31/08/2005	5.80	7.90	5.90	7,40	6.50	6.70	x
693	Dương Văn	Trong	21115233	18/03/2002	4.40	5.00	5.50	0,00	6.80	4.30	
694	Lại Quang	Trường	21139482	27/12/2003	6.50	7.90	6.60	8,60	5.50	7.00	x
695	LÊ VĂN	TRƯỜNG	23139109	24/08/2005	7.20	7.30	7.00	7,50	6.00	7.00	x
696	Nguyễn Minh	Trường	21112278	05/03/2003	5.80	5.00	6.50	8,30	5.00	6.10	x
697	Nguyễn Tuấn	Trường	21120571	06/02/2003	6.70	8.30	6.80	8,00	3.10	6.60	
698	Bùi Văn	Trung	22155127	22/10/2004	7.40	5.00	6.90	7,60	7.90	7.00	x
699	HOÀNG QUỐC	TRUNG	23128193	27/07/2005	6.60	7.80	5.50	8,30	6.80	7.00	x
700	Huỳnh Quang	Trung	20118276	12/03/2002	6.30	3.50	5.00	8,60	1.50	5.00	
701	Nguyễn Huỳnh Tấn	Trung	20213030	25/03/1987	7.00	6.60	5.00	8,40	6.00	6.60	x
702	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	23138093	28/08/2005	7.10	9.00	6.80	9,30	5.80	7.60	x
703	Phạm Đỗ Đình	Trung	21112696	12/06/2003	6.60	6.60	5.00	7,60	1.10	5.40	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
704	Phạm Quốc	Trung	21139481	07/02/2003	7.00	6.60	5.30	7,50	8.60	7.00	x
705	Phan Đình	Trung	21137037	12/06/2003	6.90	6.90	5.30	8,60	6.80	6.90	x
706	Trần Quang	Trung	20111321	17/08/2002	5.90	7.00	5.00	7,80	5.50	6.20	x
707	Trần Quốc	Trung	20213065	23/01/1981	5.10	5.00	2.50	5,00	5.00	4.50	
708	Trương Quang	Trung	21118402	25/09/2003	6.40	5.00	5.50	8,30	5.50	6.10	x
709	Lê Thị Thanh	Trúc	20114058	07/05/2002	4.60	5.80	5.00	2,00	7.10	4.90	
710	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	23116100	18/03/2005	6.00	5.90	5.00	8,40	6.00	6.30	x
711	Phạm Minh Trần Thị	Trúc	21123349	13/05/2002	6.60	5.80	4.00	0,00	1.80	3.60	
712	Phạm Nhã	Trúc	21149297	30/08/2003	6.00	5.00	4.50	0,80	5.50	4.40	
713	Trần Đoàn Thanh	Trúc	22120198	09/11/2004	6.60	8.80	8.80	7,80	6.40	7.70	x
714	TRẦN THỊ MỘNG	TRÚC	23112283	22/08/2005	7.20	7.40	7.40	7,40	8.60	7.60	x
715	Lê Thanh	Tuấn	20213024	18/07/1987	5.10	6.60	6.10	3,00	6.30	5.40	
716	Lưu Phi	Tuấn	22122431	26/04/2004	3.70	2.90	5.50	0,00	0.00	2.40	
717	ĐÌNH CÔNG	TUẤN	23137072	04/10/2005	5.50	7.10	6.10	7,40	6.80	6.60	x
718	Phan Huỳnh	Tuấn	15145087	21/02/1997	5.40	7.00	3.80	7,80	5.00	5.80	
719	TRẦN VÕ GIA	TUỆ	23139111	02/10/2005	6.40	8.30	5.30	8,80	8.00	7.40	x
720	Hồ Tá	Tùng	20213025	01/10/1988	4.90	1.10	0.00	0,00	0.00	1.20	
721	Huỳnh Thanh	Tùng	19127064	14/07/2001	5.20	7.90	5.50	7,60	2.60	5.80	
722	LÊ THANH	TÙNG	23112291	20/04/2005	7.90	8.90	8.10	8,60	10.00	8.70	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
723	Ngô Duy Tùng	19122415	27/10/2001	4.50	0.00	2.90	0,00	0.00	1.50	
724	Nguyễn Hoàng Tùng	14112365	24/06/1996	5.50	5.00	3.00	2,80	1.00	3.50	
725	Nguyễn Thanh Tùng	21111396	15/09/1998	6.10	6.90	6.60	7,10	5.00	6.30	x
726	Nguyễn Thanh Tùng	21111397	17/10/2003	6.20	6.60	6.40	8,30	6.60	6.80	x
727	Đỗ Thanh Tùng	21112705	10/01/2003	6.00	3.50	5.50	5,50	3.50	4.80	
728	Trần Lê Thanh Tùng	21154356	07/05/2003	6.00	5.00	7.90	7,90	5.50	6.50	x
729	Trần Thanh Tùng	21122798	10/11/2003	7.00	5.30	4.30	8,40	1.30	5.30	
730	Hồ Lê Cẩm Tú	22145087	27/04/2004	5.00	6.90	4.00	6,10	5.00	5.40	
731	Lê Minh Tú	20213022	18/10/1995	6.00	6.80	6.50	7,40	7.00	6.70	x
732	LÊ VĂN THANH TÚ	23163035	12/03/2005	7.60	7.90	8.10	8,60	6.30	7.70	x
733	Nguyễn Huỳnh Khanh Tú	20145178	19/07/2002	7.00	6.00	3.50	8,30	5.00	6.00	
734	Đỗ Hoàng Minh Tú	21123326	26/05/2003	4.40	6.10	4.50	4,50	0.00	3.90	
735	Mai Thị Kim Tuyến	21129695	13/01/2003	6.80	5.90	3.60	6,10	6.80	5.80	
736	Hồ Thị Thanh Tuyền	20125787	11/01/2002	6.00	6.90	5.00	7,10	6.60	6.30	x
737	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	21125474	24/10/2003	5.20	6.40	7.10	7,40	8.90	7.00	x
738	Mai Thị Thanh Tuyền	21120579	17/10/2003	4.40	0.00	0.40	0,00	5.00	2.00	
739	Đặng Bích Tuyền	20112406	17/04/2002	6.30	6.50	6.50	8,30	9.00	7.30	x
740	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22126205	22/02/2004	6.40	7.10	5.50	7,90	6.50	6.70	x
741	Nguyễn Thụy Kim Tuyền	21135214	16/08/2003	4.90	5.00	0.00	0,00	5.00	3.00	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
742	PHẠM THỊ NGỌC TUYÊN	23149110	19/11/2005	6.40	5.80	5.00	8,40	7.10	6.50	x
743	VÕ DIỆP NGÂN TUYÊN	23122320	09/09/2003	6.00	6.10	5.30	7,10	6.00	6.10	x
744	Võ Thụy Ngọc Tuyền	21126569	09/12/2003	6.40	5.80	6.30	6,50	5.50	6.10	x
745	Đàng Năng San U	17118135	19/01/1999	6.20	6.60	8.40	3,80	8.10	6.60	
746	Bùi Thị Mỹ Uyên	22122449	24/12/2004	6.70	8.50	5.00	8,00	6.60	7.00	x
747	Lê Thị Kim Uyên	22128229	04/07/2004	6.90	7.80	5.50	8,30	7.30	7.20	x
748	Nguyễn Đình Phương Uyên	22120210	09/04/2004	6.90	8.60	7.90	7,90	6.00	7.50	x
749	Trần Đình Duy Uyên	20111136	20/11/2002	4.80	3.50	5.50	8,40	5.00	5.40	
750	Trần Phương Uyên	22128233	23/03/2004	7.10	6.90	5.30	7,10	5.00	6.30	x
751	Trương Thị Cẩm Uyên	22112402	02/10/2004	5.40	5.00	5.00	7,90	6.00	5.90	x
752	NGUYỄN THỊ KIM VÀNG	23122328	17/11/2005	6.10	7.00	6.80	7,80	5.00	6.50	x
753	TRẦN THỊ VỆ	23128200	01/08/2005	5.10	5.50	6.40	8,40	6.10	6.30	x
754	Hồ Trần Khải Vi	22157063	04/05/2004	5.80	5.30	3.00	8,10	5.50	5.50	
755	Đặng Thị Hiền Vi	20213031	12/02/1984	5.20	5.90	4.50	1,10	5.80	4.50	
756	NGUYỄN TRẦN HẠ VI	23126264	14/07/2005	6.70	7.40	5.00	7,40	6.00	6.50	x
757	Võ Thị Tường Vi	21145241	25/11/2003	5.00	5.10	5.00	5,00	6.90	5.40	x
758	Nguyễn Thị Hàn Viên	21111404	08/03/2003	3.10	5.50	4.00	1,00	0.00	2.70	
759	Dương Quốc Việt	15118131	18/06/1996	4.50	7.10	3.80	8,90	1.50	5.20	
760	Lý Thị Xuân Việt	21155184	19/11/2003	6.20	5.00	5.50	7,90	2.50	5.40	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
761	ĐỖ LƯU QUỐC	VIỆT	23124273	19/06/2005	5.90	7.50	5.00	7,80	5.50	6.30	x
762	Đỗ Quốc	Việt	22113096	25/08/2004	7.90	5.50	5.30	7,60	7.50	6.80	x
763	Vũ Hùng	Việt	20111333	29/10/2002	6.40	7.00	6.30	8,80	6.00	6.90	x
764	LÊ KHẢI	VINH	23126270	20/11/2005	4.00	5.30	4.50	8,00	7.10	5.80	
765	Đặng Quang	Vinh	20213033	14/10/1992	6.20	8.90	6.10	7,10	8.00	7.30	x
766	Nguyễn Quang	Vinh	21137039	11/06/2003	7.80	7.60	7.10	7,40	7.30	7.40	x
767	Nguyễn Trường	Vinh	22139142	28/01/2004	6.60	8.50	6.00	7,80	6.80	7.10	x
768	TRƯỜNG QUANG	VINH	23139119	28/06/2005	7.70	6.10	7.90	8,40	7.50	7.50	x
769	Trương Văn	Vinh	20111334	15/01/2002	6.20	6.90	6.00	8,10	5.00	6.40	x
770	Trương Hữu	Vương	20213034	26/08/1980	3.60	0.00	0.00	0,00	5.00	1.70	
771	Võ Thành	Vương	21115247	15/06/2003	3.90	0.00	0.00	0,00	5.40	1.90	
772	LƯU QUANG	VŨ	23137081	25/06/2005	6.90	7.10	6.00	7,60	3.00	6.10	
773	Ngô Minh	Vũ	20155172	24/03/2002	6.30	4.00	5.00	8,40	5.60	5.90	
774	Nguyễn Thanh	Vũ	21111409	23/09/2003	4.80	6.40	6.40	7,90	7.40	6.60	
775	NGUYỄN VĂN	VŨ	23137083	25/05/2005	5.50	7.10	5.00	7,10	8.10	6.60	x
776	Phan Văn	Vũ	22115088	31/05/2004	7.20	6.90	7.10	7,60	8.10	7.40	x
777	Từ Trường	Vũ	19137082	23/03/2001	5.00	8.10	7.10	7,40	5.50	6.60	x
778	VÕ NGUYỄN TẤN	VŨ	23126278	14/09/2005	7.40	7.00	5.50	8,30	5.50	6.70	x
779	Cao Thụy Lan	Vy	20164043	06/05/2002	3.20	6.00	3.00	0,00	3.50	3.10	

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
780	LÊ NGỌC MINH VY	23149115	09/07/2005	7.50	9.00	6.80	6,80	7.40	7.50	x
781	Lê Thị Tường Vy	22135141	07/05/2004	6.10	7.80	5.00	7,80	5.90	6.50	x
782	LÊ THÚY VY	23128208	06/09/2005	5.00	5.30	5.00	8,60	5.00	5.80	x
783	Nguyễn Mai Tường Vy	21122865	08/10/2003	6.00	6.50	4.50	7,00	3.00	5.40	
784	NGUYỄN NGỌC THẢO VY	23122338	08/06/2005	7.30	6.60	6.40	8,40	8.40	7.40	x
785	Nguyễn Thanh Trúc Vy	22120223	09/03/2004	5.60	7.90	2.60	7,10	6.00	5.80	
786	Nguyễn Thị Vy	20122603	19/06/2002	5.00	5.00	5.50	8,40	6.60	6.10	x
787	NGUYỄN TƯỜNG VY	23112310	03/11/2005	8.10	7.50	6.80	7,30	8.60	7.70	x
788	Phạm Hồ Yến Vy	21135395	28/08/2003	5.70	8.40	7.40	9,40	7.40	7.70	x
789	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG VY	23112315	09/04/2005	7.70	7.30	8.30	8,30	6.80	7.70	x
790	TRẦN PHƯỢNG VY	23124286	15/08/2005	7.50	8.90	8.10	8,60	7.80	8.20	x
791	Trần Tường Vy	22120224	06/08/2004	6.90	6.60	5.00	8,40	6.00	6.60	x
792	Dương Lợi Vy	22165026	30/01/2004	5.10	7.00	3.10	7,80	1.60	4.90	
793	LÊ KIM XUYẾN	23129560	04/11/2005	6.80	6.50	5.50	7,40	7.80	6.80	x
794	Hứa Điền Xuyên	21157132	14/02/2003	6.70	6.10	0.30	8,40	1.50	4.60	
795	Nguyễn Lê Bảo Xuyên	21122822	13/10/2003	5.40	6.90	3.80	7,40	7.10	6.10	
796	Bùi Nguyễn Huỳnh Yến	22133028	17/01/2004	8.00	8.60	8.10	7,60	8.40	8.10	x
797	LƯU THỊ NGỌC YẾN	23122355	05/03/2005	6.70	7.50	6.60	7,50	5.50	6.80	x
798	Nguyễn Dương Phương Yến	21126593	09/04/2003	6.30	9.10	5.50	7,90	5.50	6.90	x

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 08 năm 2025

Môn thi: Phần 1

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NGÀY SINH	P1_KTC	P1_WORD	P1_EX	P1_PP	P1_AC	ĐTB	ĐẠT
799	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	23124292	12/07/2005	7.10	6.50	5.00	8,30	5.50	6.50	x
800	Nguyễn Thị Hoàng Yến	22125372	07/10/2004	6.10	5.00	6.30	7,00	6.90	6.30	x
801	Nguyễn Vũ Hải Yến	21118435	03/11/2003	8.40	8.00	6.80	7,80	8.00	7.80	x
802	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	23124290	08/05/2005	5.30	6.50	3.80	7,80	7.10	6.10	
803	Phan Thị Ngọc Yến	22113103	08/06/2004	5.90	5.80	5.00	7,90	5.00	5.90	x
804	BÙI THỊ CẨM YÊN	23122352	28/12/2005	7.00	8.10	5.50	8,90	5.40	7.00	x
805	ĐẶNG THỊ YÊN	23122353	25/09/2005	7.40	6.40	5.50	7,60	10.00	7.40	x

TRUNG TÂM TIN HỌC